

## **Kinh tế vĩ mô quý III năm 2019: Những điểm nổi bật**

### **Những điểm nổi bật của kinh tế quốc tế**

- Diễn biến tại các nền kinh tế chủ chốt tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn;
- Chỉ số giá cả hàng hóa toàn cầu đã giảm 1,82% so với quý trước, trong đó đáng chú ý là xu hướng giảm của giá dầu;
- Đồng USD đã có quý tăng mạnh nhất kể từ đầu năm trong khi các đồng tiền chủ chốt đều giảm so với đồng USD; Vàng liên tục tăng giá, ghi nhận nhiều phiên biến động mạnh;
- Thị trường chứng khoán toàn cầu quý III có nhiều biến động, chỉ số MSCI ACWI chốt quý ở mức 520,65 điểm, giảm nhẹ 0,2% so với cuối quý II;
- Xu hướng giảm lãi suất tại các NHTW ngày càng rõ nét hơn, chỉ số GIRM đang ở mức 5,94 điểm, giảm 0,27 điểm % so với cuối quý II.

### **Những điểm nổi bật của kinh tế trong nước**

- Kinh tế tiếp tục tăng trưởng tích cực, GDP quý III tăng mạnh so với quý trước, ước tính tăng 7,31% so với cùng kỳ năm 2018;
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng duy trì mức tăng trưởng tích cực qua các tháng trong quý III;
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tiếp tục gia tăng 10,5% so với cùng kỳ trong quý III, trong đó vốn đầu tư từ khu vực ngoài Nhà nước chiếm tỷ trọng lớn nhất; Vốn NSNN thực hiện trong quý III đạt mức tăng 6,9% so với cùng kỳ;
- Vốn FDI thu hút mới và tăng thêm đạt mức tăng 3,6% so với quý trước, vốn FDI thực hiện tăng 2,4% so với quý trước; Vốn góp mua cổ phần giảm 6,2% so với quý II;
- Kim ngạch xuất khẩu duy trì mức trên 20 tỷ USD qua các tháng, kim ngạch nhập khẩu vẫn giữ tốc độ tăng trưởng cao, cán cân thương mại quý III đạt mức xuất siêu 3,978 tỷ USD;
- Chỉ số giá tiêu dùng quý III tăng 0,48% so với quý trước và tăng 2,23% so với cùng kỳ; CPI bình quân 9 tháng đạt mức tăng 2,5% so với cùng kỳ - là mức tăng thấp nhất trong 3 năm qua;
- Thu NSNN có sự cải thiện, chi đầu tư phát triển vẫn ở mức thấp;
- Lãi suất điều hành của NHNN đã được cắt giảm; lãi suất huy động tiếp tục tăng ở các kỳ hạn dài; lãi suất liên ngân hàng đã giảm mạnh ở các kỳ hạn ngắn;
- Tỷ giá diễn biến hợp lý trước những biến động của thế giới; Giá vàng trong nước bám sát xu hướng của giá vàng quốc tế;
- TTCK Việt Nam tăng điểm trở lại trong quý III và là một trong số ít thị trường có diễn biến tăng trong khu vực.

# KINH TẾ THẾ GIỚI

## 1. Kinh tế thế giới

*Các yếu tố vĩ mô nền tảng của nền kinh tế Mỹ tiếp tục được cải thiện ngoại trừ khu vực sản xuất*

Trong quý III, nhiều chỉ số vĩ mô tại Mỹ vẫn diễn biến tích cực. Trong lĩnh vực tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng doanh số bán lẻ hàng hóa so với cùng kỳ qua các tháng duy trì đà tăng tháng sau cao hơn tháng trước và cao hơn mức tăng của các tháng quý II. Mặc dù vậy, một điểm đáng chú ý là tốc độ tăng trưởng so với tháng trước lại đang có chiều hướng giảm qua các tháng của quý III<sup>1</sup>.

Trên thị trường lao động, tỷ lệ thất nghiệp kết thúc quý III ở mức 3,5% - mức thấp nhất trong 50 năm qua. Bên cạnh đó, số lượng việc làm được tạo thêm trong lĩnh vực phi nông nghiệp duy trì ở mức khá ổn định qua các tháng của quý III, trái với diễn biến trồi sụt mạnh trong 2 quý đầu năm.

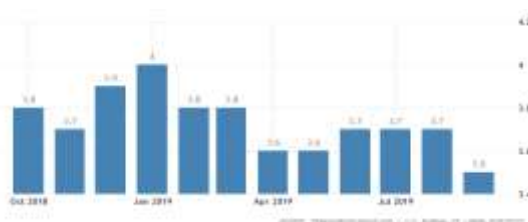
Diễn biến lạm phát trong quý III không có nhiều thay đổi so với các quý trước, tỷ lệ lạm phát qua các tháng giao động ở mức 1,7 – 1,8%. Áp lực lạm phát thấp do giá năng lượng đang trong chu kỳ giảm mạnh đã bù đắp được áp lực gia tăng từ giá lương thực thực phẩm và các hàng hóa khác.

Tình trạng thâm hụt cán cân thương mại của Mỹ trong các tháng thuộc quý III có sự cải thiện nhẹ so với quý II. Thâm hụt cán cân thương mại qua các tháng quý III giao động ở mức 54 – 54,8 tỷ USD, thấp hơn mức thâm hụt trên 55 tỷ USD được ghi nhận trong quý II.

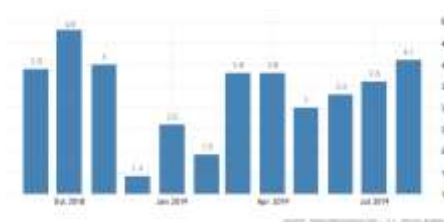
Tuy nhiên, khu vực sản xuất tiếp tục có những diễn biến xấu đi. Cụ thể, chỉ số PMI tổng hợp sau khi phục hồi trong tháng 7 đã giảm xuống mức thấp nhất trong 3 năm trở lại đây vào tháng 8. Ngoài ra, chỉ số PMI của cả hai khu vực chế biến chế tạo và khu vực dịch vụ đều đã giảm xuống sát ngưỡng thu hẹp (50 điểm) trong các tháng của quý III.

Với sự chững lại của khu vực sản xuất và những tác động tiêu cực hơn đến từ những tranh chấp thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc, dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ trong quý III chỉ ước đạt 1,7% so với cùng kỳ, thấp hơn mức tăng 2,3% của quý II.

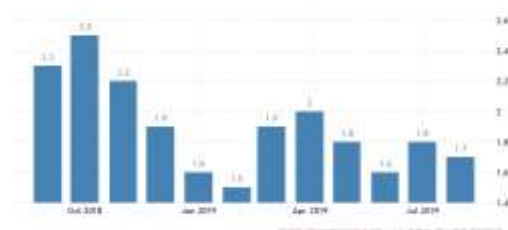
Tỷ lệ thất nghiệp (% yoy)



Doanh số bán lẻ hàng hóa tại Mỹ (% yoy)



Diễn biến lạm phát (%yoy)



Chỉ số PMI tổng hợp của Mỹ



Nguồn: Trading economics

<sup>1</sup> Tốc độ tăng doanh số bán lẻ hàng hóa tháng 7 đạt mức tăng 0,8% so với tháng trước, tháng 8 đạt mức tăng 0,4% so với tháng trước.

**Kinh tế khu vực EU chưa có điểm sáng**

Lĩnh vực sản xuất tại khu vực EU đang có tín hiệu xấu đi trong những tháng tới khi chỉ số PMI tổng hợp tháng 9 đã giảm mạnh xuống còn 50,4 điểm – sát với ngưỡng thu hẹp. Trong đó, đáng chú ý là chỉ số PMI khu vực chế biến chế tạo đã rơi vào tình trạng thu hẹp trong cả 3 tháng của quý III. Diễn biến kém tích cực của lĩnh vực sản xuất cũng được ghi nhận tại nhiều nền kinh tế chủ chốt trong khu vực như Pháp, Đức, Ý với chỉ số PMI tổng hợp qua các tháng quý III cũng chỉ giao động sát ngưỡng 50 điểm.

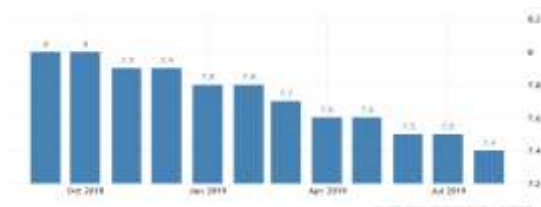
Trong khi đó, tiêu dùng nội địa toàn khu vực đang chững lại, cụ thể tăng trưởng doanh số bán lẻ hàng hóa so với cùng kỳ đã giảm nhẹ qua các tháng, từ mức 2,8% vào thời điểm cuối quý II xuống còn 2,2% trong tháng 7 và 2,1% trong tháng 8. Bên cạnh đó, chỉ số niềm tin người tiêu dùng toàn khu vực duy trì ở mức âm trong cả quý III.

Tỷ lệ lạm phát đang có chiều hướng giảm mạnh tại khu vực EU, chỉ đạt mức tăng trưởng 1% so với cùng kỳ trong 2 tháng đầu quý và tiếp tục giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 1 năm qua là 0,9% trong tháng 9. Xu hướng giảm của lạm phát tại khu vực EU một phần xuất phát từ yếu tố giá năng lượng suy giảm nhưng một phần cũng xuất phát từ nhu cầu tiêu dùng nội địa đang chững lại.

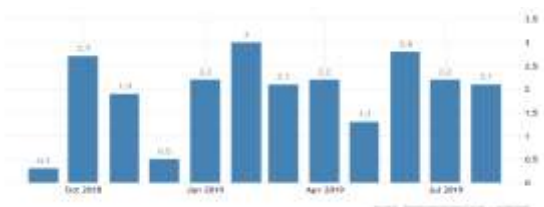
Điểm tích cực là tỷ lệ thất nghiệp tiếp tục được cải thiện, trong đó tỷ lệ thất nghiệp tháng 8 ước đạt 7,4%, mức thấp nhất kể từ tháng 5/2008.

Trước những diễn biến thiếu tích cực của các chỉ số kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế khu vực EU trong quý III được dự đoán sẽ tiếp tục giảm so với 2 quý trước, xuống chỉ còn đạt mức tăng khoảng 1% so với cùng kỳ.

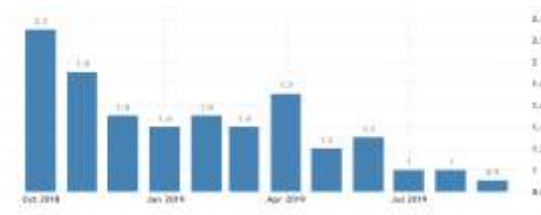
**Tỷ lệ thất nghiệp (% yoy)**



**Doanh số bán lẻ hàng hóa tại Châu Âu (% yoy)**



**Diễn biến lạm phát (% yoy)**



**Chỉ số PMI tổng hợp của Châu Âu**



Nguồn: Trading economicsmics

**Kinh tế Anh bị tác động mạnh bởi Brexit**

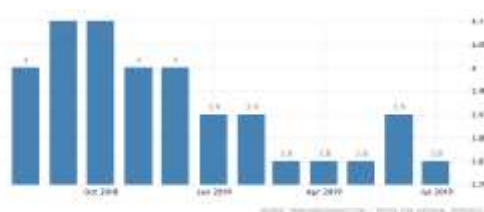
Trong quý III, những tác động từ Brexit đối với kinh tế Anh bộc lộ rõ nét hơn. Khu vực sản xuất mở rộng chậm với chỉ số PMI tổng hợp giao động sát ngưỡng 50 điểm, trong đó chỉ số PMI khu vực chế biến chế tạo rơi xuống ngưỡng thu hẹp trong cả 3 tháng quý III và chỉ số PMI khu vực dịch vụ cũng mở rộng ở mức thấp. Việc EU và Anh chưa đi đến thống nhất trong các điều khoản liên quan đến Brexit đã làm giảm niềm tin của giới kinh doanh và khiến chỉ số niềm tin của khu vực doanh nghiệp tại Anh trong quý III đã giảm xuống mức thấp nhất kể từ cuối năm 2016 trở lại đây là -32 điểm.

Trong lĩnh vực tiêu dùng, tăng trưởng doanh số bán lẻ hàng hóa so với cùng kỳ có diễn biến chậm lại qua các tháng, kết thúc tháng 8 chỉ đạt mức tăng 2,7% so với cùng kỳ. Niềm tin người tiêu dùng cũng không có nhiều cải thiện trong quý III khi vẫn tiếp tục duy trì ở mức âm qua các tháng, thậm chí còn chạm ngưỡng thấp nhất là -14 điểm trong tháng 8.

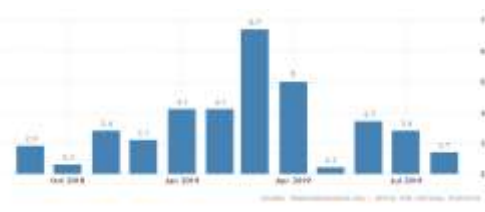
Lạm phát tại Anh đang có chiều hướng giảm, từ mức 2,1% trong tháng 7 xuống còn 1,7% trong tháng 8 và là mức lạm phát thấp nhất được ghi nhận trong vòng 1 năm qua. Tỷ lệ thất nghiệp vẫn duy trì ở mức thấp 3,8%.

Với những diễn biến kém tích cực của các chỉ số vĩ mô, dự đoán tốc độ tăng trưởng kinh tế Anh so với cùng kỳ trong quý III sẽ thấp hơn mức tăng 1,3% của quý II.

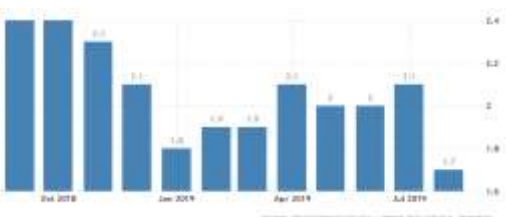
Tỷ lệ thất nghiệp (% yoy)



Doanh số bán lẻ hàng hóa (% yoy)



Diễn biến lạm phát (% yoy)



Chỉ số PMI tổng hợp



Nguồn: Trading Economics

**Kinh tế Nhật Bản chưa có nhiều cải thiện**

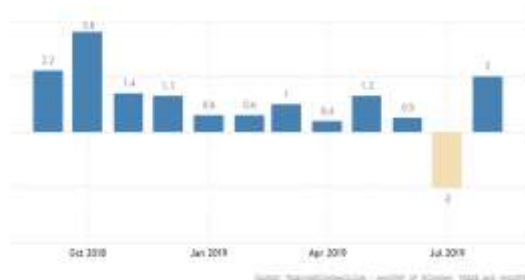
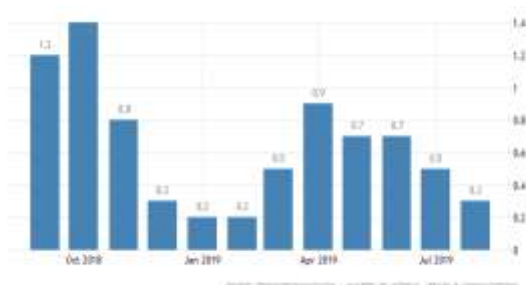
Tại Nhật Bản, khu vực sản xuất đã lấy lại đà mở rộng mạnh hơn trong 2 tháng cuối quý III<sup>2</sup> tuy nhiên sự phục hồi này chủ yếu đến từ đóng góp của khu vực dịch vụ (chỉ số PMI khu vực dịch vụ mở rộng mạnh trong 2 tháng cuối quý, lần lượt đạt 53,3 điểm trong tháng 8 và 52,8 điểm trong tháng 9) trong khi khu vực chế biến chế tạo vẫn nằm trong vùng thu hẹp, thậm chí chỉ số PMI chế biến chế tạo trong tháng 9 còn giảm sâu xuống dưới 49 điểm.

Trong lĩnh vực tiêu dùng, tăng trưởng doanh số bán lẻ hàng hóa diễn biến không ổn định, giảm 2% so với cùng kỳ trong tháng 7 và tăng trở lại ở mức 2% trong tháng 8. Đồng thời, việc quyết định tăng thuế tiêu dùng từ mức 8% lên mức 10% vào ngày 1/10 sẽ không hỗ trợ duy trì đà tăng của doanh số bán lẻ hàng hóa trong tháng 9.

Xuất khẩu trong quý III tiếp tục chịu ảnh hưởng từ tình trạng căng thẳng thương mại gia tăng. Kết quả là, kim ngạch xuất khẩu trong các tháng của quý III đều giảm so với cùng kỳ năm trước, kéo dài chuỗi giảm của xuất khẩu lên 9 tháng liên tiếp.

Diễn biến lạm phát cũng theo chiều hướng xấu đi khi tỷ lệ lạm phát ngày càng giảm cách xa mức lạm phát mục tiêu 2%, kết thúc tháng 8 chỉ đạt mức tăng 0,3% so với cùng kỳ.

<sup>2</sup> Chỉ số PMI tổng hợp tăng từ mức xấp xỉ 50 điểm của tháng 7 lên mức 51,9 điểm của tháng 8 và 51,5 điểm trong tháng 9

**Diễn biến xuất khẩu (% yoy)****Doanh số bán lẻ hàng hóa (% yoy)****Diễn biến lạm phát (%yoy)****Chỉ số PMI tổng hợp**

Nguồn: Trading economics

**Kinh tế Trung Quốc bị ảnh hưởng rõ nét bởi cuộc chiến thương mại Mỹ Trung**

Khu vực sản xuất tại Trung Quốc đã có những cải thiện trong quý III khi chỉ số PMI tổng hợp mở rộng mạnh dần qua các tháng. Trong đó, đáng chú ý là chỉ số PMI khu vực chế biến chế tạo đã phục hồi từ mức thu hẹp dưới 50 điểm vào cuối quý II lên đạt 51,4 điểm vào tháng 9.

Trong khi đó, tiêu dùng không giữ được đà tăng tốt khi doanh số bán lẻ hàng hóa qua các tháng của quý III chỉ duy trì ở mức tăng trưởng khoảng 7,5% so với cùng kỳ, thấp hơn đáng kể so với đà tăng của quý II.

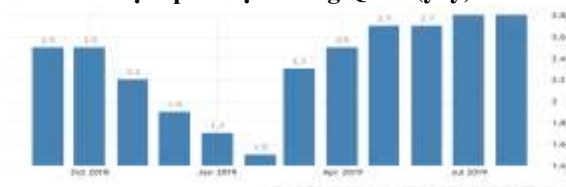
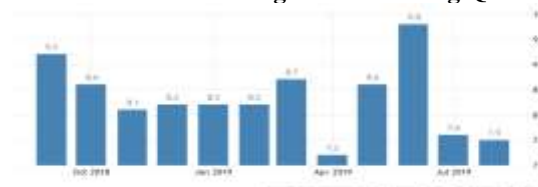
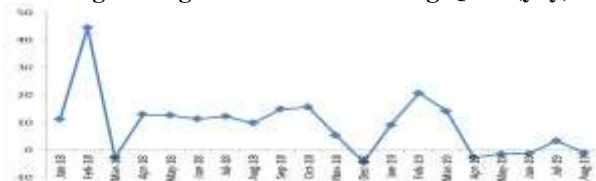
Lạm phát có chiều hướng gia tăng liên tục qua các tháng của quý III, kết thúc tháng 9 đang ở mức 2,8% - mức lạm phát cao nhất kể từ tháng 2/2018. Sự gia tăng của lạm phát trong quý III chủ yếu là do giá lợn hơi tăng do tác động của dịch tả lợn Châu Phi.

Tranh chấp thương mại gia tăng với Mỹ tiếp tục tác động tiêu cực đối với xuất khẩu. Cụ thể, xuất khẩu chỉ đạt mức tăng trưởng thấp 3,3% so với cùng kỳ trong tháng 7, giảm 1% so với cùng kỳ trong tháng 8 và có thể tiếp tục giảm trong tháng 9 khi cuộc chiến thương mại đang có những diễn biến phức tạp hơn<sup>3</sup>. Theo thống kê của Trading Economics, trong tháng 8, nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ chốt của Trung Quốc đã có kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ<sup>4</sup>. Xuất khẩu của Trung Quốc sang nhiều thị trường chủ chốt cũng ghi nhận mức giảm mạnh trong những tháng gần đây, ví dụ như trong tháng 8 xuất khẩu sang Mỹ giảm 16% và xuất khẩu sang Úc giảm 17% so với cùng kỳ.

Dự báo tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc có thể tiếp tục giảm tốc trong quý III, sau khi ghi nhận mức tăng trưởng thấp nhất trong gần 30 năm là 6,2% trong quý II/2019.

<sup>3</sup> Trong tháng 9, Mỹ đã tuyên bố mức thuế 15% đối với một loạt các mặt hàng Trung Quốc kể từ ngày 1/9, nhiều biện pháp thuế quan của Mỹ sẽ có hiệu lực vào tháng 10 và tháng 12/2019.

<sup>4</sup> Xuất khẩu của Trung Quốc các mặt hàng nhôm và sản phẩm chưa gia công giảm 9,9% so với một năm trước đó xuống còn 466.000 tấn trong tháng 8, mức thấp nhất kể từ tháng 2; xuất khẩu than đã giảm 29,8% xuống 0,34 triệu tấn và than cốc, bán coke giảm 44% xuống còn 0,44 triệu tấn. Xuất khẩu sản phẩm thép giảm 14,8% xuống còn 5,01 triệu tấn và các sản phẩm tinh chế giảm 23,4% xuống còn 4,08 triệu tấn.

**Lạm phát tại Trung Quốc (yoy)****Doanh số bán lẻ hàng hóa của Trung Quốc****Tăng trưởng xuất khẩu của Trung Quốc (yoy)****Chỉ số PMI tổng hợp của Trung Quốc**

Nguồn: Trading Economics

**Chỉ số giá cả hàng hóa toàn cầu giảm điểm**

Trong quý III, chỉ số giá cả hàng hóa toàn cầu theo thống kê của Bloomberg đã ghi nhận 2 tháng giảm với mức giảm lần lượt là 0,67% trong tháng 7 và 2,32% trong tháng 8, hồi phục trở lại trong tháng 9 với mức tăng 1,17%. Như vậy, kết thúc quý III chỉ số giá hàng hóa chung ở mức 164,72 điểm, giảm 1,82% so với cuối quý II.

Nhóm hàng nông nghiệp thô cũng ghi nhận xu hướng điều chỉnh giảm chủ yếu trong 2 tháng đầu quý và chỉ tăng nhẹ trở lại trong tháng 8. Chốt quý III, giá nhiều mặt hàng đã giảm mạnh so với cuối quý trước như cao su giảm xấp xỉ 18%, cotton giảm 7,84%, cà phê giảm 7,32%, ngô giảm 9,86%,... Một số mặt hàng vẫn giữ được đà tăng giá nhưng mức tăng cũng khá thấp như gạo tăng 3,78%, đường tăng 1,54%, cacao tăng 1,45%.

Trên thị trường kim loại thô, diễn biến kém tích cực trong tăng trưởng kinh tế toàn cầu đã ảnh hưởng đáng kể đến lượng cầu các mặt hàng thuộc nhóm này. Hầu hết giá các mặt hàng này đã duy trì xu hướng giảm liên tục qua các tháng của quý III, trong đó tần suất giảm mạnh cũng tập trung vào 2 tháng đầu quý. Kết thúc quý III, nhiều mặt hàng chủ chốt đã ghi nhận mức giảm giá so với cuối quý trước như đồng giảm 4,99%, nhôm giảm 4,41%, kẽm giảm 4,02%, thiếc giảm 16,19%.

Trên thị trường năng lượng, xu hướng giảm của giá dầu đã hình thành ngay từ đầu quý do triển vọng kinh tế toàn cầu mờ nhạt làm gia tăng lo ngại về việc suy giảm nhu cầu dầu mỏ. Mức giảm mạnh được ghi nhận trong tháng 8 với mức giảm xấp xỉ 6% đối với giá dầu WTI và trên 7% đối với giá dầu Brent. Mặc dù trong một số thời điểm giá dầu đã tăng trở lại khi căng thẳng gia tăng tại khu vực Trung Đông giữa Mỹ và Iran hay giữa Iran và Ảrập Saudi, tuy nhiên xu hướng tăng chỉ diễn ra trong thời gian ngắn và không thể giúp giá dầu lấy lại đà tăng. Kết thúc quý III, giá dầu WTI ở mức 54,07 USD/thùng, giảm 7,62% so với cuối quý II; giá dầu Brent ở mức 60,78 USD/thùng, giảm 8,77% so với cuối quý trước.

**Diễn biến chỉ số giá cả hàng hóa chung****Diễn biến giá dầu Brent và dầu WTI**

Nguồn: Bloomberg

## 2. Diễn biến thị trường ngoại hối, vàng, chứng khoán

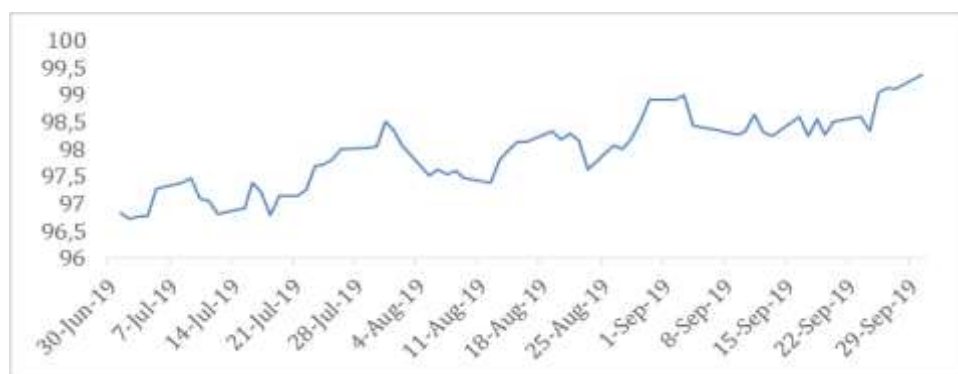
### Diễn biến thị trường ngoại hối

**Đồng USD đã có quý tăng mạnh nhất kể từ đầu năm**

Trong quý III/2019, đồng USD đã giữ được đà tăng liên tục trong 3 tháng, với tổng mức tăng lần lượt là 3,35% đối với USD giao ngay và tăng 3,5% đối với USD kỳ hạn – đây cũng là mức tăng mạnh nhất theo quý kể từ đầu năm<sup>5</sup>. Trong đó, đồng USD đã tăng mạnh, ở mức 2,47% đối với USD giao ngay vào tháng 7 và trên 0,4% trong 2 tháng kế tiếp. Với diễn biến tích cực trong quý III, đồng USD đã lấy lại mức giá giao dịch quan trọng trên 98 vào cuối tháng 7, đồng thời cũng có được mức giá giao dịch ở mức cao mới trên 99 vào cuối tháng 9/2019.

Xu hướng tăng của đồng USD trong quý III được hỗ trợ mạnh mẽ bởi nhu cầu đầu tư an toàn trước những bất ổn kinh tế, chính trị toàn cầu. Trong quý, mặc dù những tín hiệu kinh tế có phần xấu đi (Khu vực sản xuất, tiêu dùng, xu hướng đảo ngược đường cong lợi tức trái phiếu,...) đã ảnh hưởng nhất định đến diễn biến giảm của đồng bạc xanh nhưng điều đó không tác động nhiều lắm đến niềm tin của thị trường vào khả năng phục hồi cơ bản của nước Mỹ. Đồng USD đã trở nên rất nhạy cảm với từng diễn biến kinh tế, chính trị trên toàn cầu, diễn biến tăng thường kéo dài trước những diễn biến bất lợi của thương chiến Mỹ - Trung, những bất ổn kinh tế và chính trị tại khu vực Châu Âu dậy sóng hay khi căng thẳng thương mại, chính trị giữa Mỹ và các khối nước, nổi lên là Iran và Nga gia tăng, kỳ vọng cắt giảm lãi suất của Fed để hỗ trợ kinh tế,... Diễn biến tăng của đồng USD đã được bảo vệ trong tuần giao dịch cuối của tháng 9 trước áp lực kích thích kinh tế và sự suy yếu của khu vực EU và xu hướng giảm liên tục của đồng GBP, chỉ số USD giao ngay và kỳ hạn chốt giao dịch ở mức 99.38 và 99.021.

Diễn biến chỉ số USD index



Nguồn: investing.com

**Đồng EUR và đồng GBP đã có một quý giảm điểm mạnh nhất kể từ đầu năm**

Kết thúc quý III, đồng EUR và đồng GBP đã giảm mạnh so với đồng USD, lần lượt ở mức 4,2% và 3,2%. Mặc dù vậy, diễn biến của 02 đồng tiền này qua các tháng là không giống nhau, cụ thể là đồng EUR đã giảm liên tiếp trong 03 tháng, trong khi đó đồng GBP có 02 tháng giảm liên tiếp trước khi tăng vào tháng giao dịch cuối quý.

Trong quý III, đồng EUR bên cạnh những tác động bất ổn của thế giới đã chịu rất nhiều áp lực từ các diễn biến kinh tế, chính trị trong khu vực. Diễn biến kinh tế mờ nhạt, thấp hơn kỳ vọng, đặc biệt là của các nền kinh tế đầu tàu; những bất

<sup>5</sup> Quý I: 1,15%; Quý II: 1,18%

ổn chính trị tại Ý, Anh cùng với khả năng nói lỏng CSTT mạnh mẽ đã ảnh hưởng đến diễn biến giảm của đồng tiền chung qua các tháng, đáng chú ý là mức giảm mạnh lên đến 2,61% vào tháng 7. Tuy nhiên, diễn biến tăng của đồng EUR cũng đã xuất hiện nhiều hơn trong tháng cuối cùng của quý trước những tín hiệu hạ nhiệt trong căng thẳng thương mại Mỹ - Trung cũng như là việc ECB đồng thời công bố rõ ràng hơn định hướng điều hành chính sách tiền tệ bên cạnh chính sách miễn trừ lãi suất của các khoản tiền nhàn rỗi của các định chế tài chính tại NHTW. Kết thúc Quý III, tỷ giá EUR/USD chốt giao dịch ở mức 1.0900.

Bên cạnh đó, đồng GBP cũng chịu những tác động tương tự, đáng chú ý vẫn là tác động của những diễn biến liên quan đến số phận của hiệp ước Brexit qua các tháng. Đồng GBP đã giảm mạnh, lớn hơn 4% vào tháng 7 khi khả năng nước Anh sẽ thực hiện một Brexit không có thỏa thuận tăng cao và các tín hiệu kinh tế vĩ mô xấu đi xuất hiện dồn dập. Diễn biến này đã dội lại vào tháng 8 trước những động thái chính trị cởi mở hơn của các nền kinh tế lớn trong khu vực và đồng GBP cũng đã đảo chiều tăng 1,11% so với đồng USD trong tháng 9. Diễn biến tăng xuất hiện chủ yếu trong 3 tuần giao dịch đầu tháng 9 và được hỗ trợ bởi việc các nhà lập pháp bỏ phiếu nhằm ngăn chặn Brexit không thỏa thuận và dự thảo điều luật buộc Thủ tướng Anh yêu cầu Liên minh Châu Âu hoãn Brexit trước ngày 19/10 cho dù ông Boris Johnson không muốn trì hoãn thêm và cam kết sẽ có đề xuất để chỉnh sửa Brexit. Mặc dù vậy đồng GDP đã nhanh chóng giảm trong tuần giao dịch cuối trước đà tăng trở lại của đồng USD và tín hiệu NHTW Anh sẽ cắt giảm lãi suất điều hành trong thời gian tới, đặc biệt trong bối cảnh khu vực sản xuất của nước Anh đã có diễn biến xấu kéo dài trong suốt những tháng qua. Kết thúc Quý III, tỷ giá GBP/USD chốt giao dịch ở mức 1.2289.

Ngoài ra, hai đồng tiền mạnh khác là đồng AUD và đồng CAD đã cùng giảm so với đồng USD trong quý III, lần lượt là 3,9% và 1,16%. Diễn biến giảm của 02 đồng tiền này đều xuất hiện vào tháng 7 và tháng 8 và bật tăng vào tháng cuối của quý. Trong đó, đồng AUD đã có mức giảm mạnh hơn do chịu ảnh hưởng chính từ những tín hiệu căng thẳng gia tăng trong cuộc thương chiến Mỹ - Trung, sự suy giảm của kinh tế Trung Quốc và việc cắt giảm lãi suất điều hành của NHTW. Tuy nhiên, triển vọng tốt của tăng trưởng kinh tế trong thời gian tới và những động thái cởi mở hơn về đàm phán thương mại Mỹ - Trung đã hỗ trợ cho đà tăng của đồng tiền này so với đồng USD trong tháng 9/2019. Cũng có diễn biến tương tự nhưng những biến động của đồng CAD qua các tháng ở mức độ nhẹ hơn, đồng CAD đã có 2 tháng giảm khoảng 1% trong tháng 7, tháng 8 và tăng 0,53% trong tháng 9. Diễn biến của đồng CAD ngoài việc chịu tác động từ bên ngoài thì đã được hỗ trợ nhiều hơn từ các diễn biến ở trong nước và diễn biến của giá dầu trên thị trường quốc tế. Kết thúc ngày giao dịch cuối của quý, tỷ giá AUD/USD và tỷ giá USD/CAD lần lượt giao dịch ở mức 0.675 và 1.3241.

***Đồng JPY và đồng CNY đều giảm so với đồng USD***

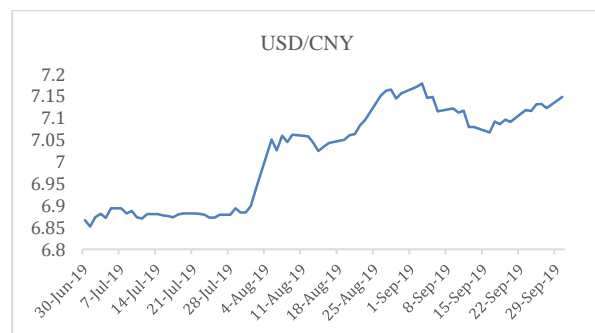
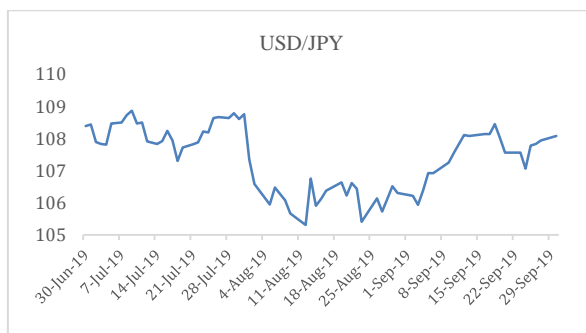
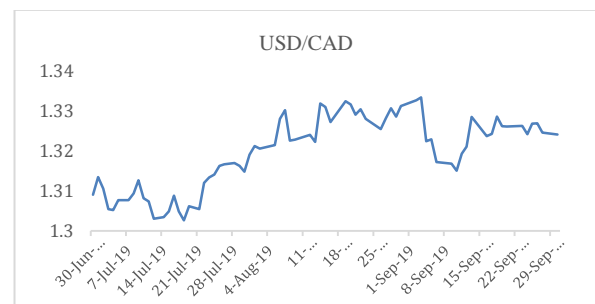
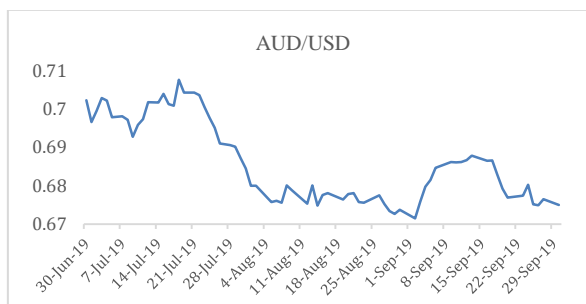
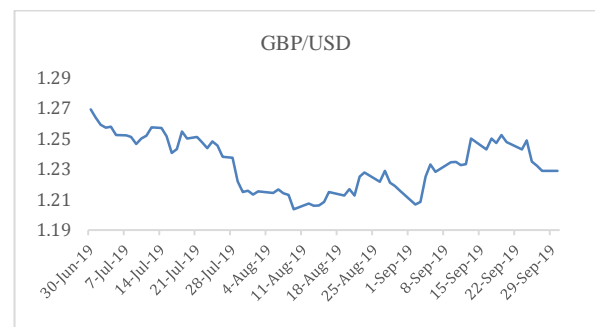
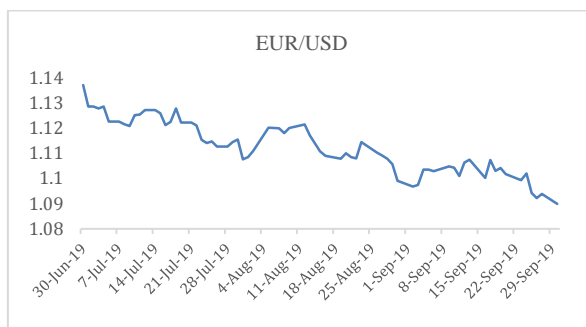
Trong quý III, đồng JPY và đồng CNY mặc dù đã có diễn biến khác nhau qua các tháng nhưng đến cuối quý đều có tổng mức thay đổi theo quý sụt giảm so với đồng USD, lần lượt ở mức 0,2% và 4,1%.

Đồng JPY đã có 02 tháng giảm (tháng 7 và tháng 9, lần lượt ở mức 0,8% và 1,66%) và tăng mạnh vào tháng 8 với tổng mức tăng vượt 2%. So với các đồng tiền mạnh khác trong khu vực Châu Á, đồng JPY chỉ mất giá nhẹ so với đồng bạc xanh. Diễn biến giảm nhẹ của đồng JPY trong quý III đã bị tác động bởi diễn biến kinh tế có phần xấu đi, những căng thẳng thương mại nảy sinh với

Hàn Quốc và những quan ngại ảnh hưởng tới nền kinh tế khi Chính phủ Nhật tăng thuế suất thuế tiêu dùng vào đầu tháng 10. Bên cạnh đó, mặc dù nhu cầu đầu tư tài sản an toàn vẫn là lực đẩy chính cho những diễn biến tăng của đồng JPY, tuy nhiên động lực này có phần bị kìm chế trước những vấn đề của nước Nhật và tình trạng ôn hòa hơn trong cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung trong tháng cuối của quý III. Chính vì vậy, đồng JPY đã có xu hướng giảm xuất hiện nhiều hơn trong tháng 9 và kéo dài từ 4 – 6 ngày giao dịch. Kết thúc tháng 9, tỷ giá USD/JPY giao dịch ở mức 108.08.

Bên cạnh đó, đồng CNY cũng đã có xu hướng giảm nhưng mức giảm so với đồng USD đã mạnh hơn rất nhiều so với đồng JPY. Theo đó, đồng CNY đã giảm liên tục trong tháng 7, tháng 8; ghi nhận mức giảm mạnh nhất kể từ đầu năm trong tháng 8, ở mức 3,92% và tăng nhẹ ở mức 0,11% trong tháng 9. Diễn biến của đồng CNY trong quý tiếp tục chịu ảnh hưởng mạnh từ diễn biến của cuộc thương chiến Mỹ - Trung. Ngoài ra, diễn biến đi xuống của kinh tế Trung Quốc trước những tác động của cuộc chiến này và nhu cầu bên ngoài suy yếu cũng ảnh hưởng bất lợi đến diễn biến của đồng CNY. Đồng CNY đã chạm tới ngưỡng giá giao dịch quan trọng trên 7 so với đồng USD và duy trì từ ngày 5/8 cho đến cuối tháng 9. Đồng thời trong quý, PBoC cũng đã nhiều lần phải điều chỉnh tỷ giá tham chiếu bình quân liên ngân hàng, đặc biệt là trong tháng 8. Tính đến cuối tháng 9, tỷ giá USD/CNY giao dịch ở mức 7.1483.

#### Diễn biến tỷ giá các đồng tiền mạnh



Nguồn: investing.com

### Diễn biến thị trường vàng

Vàng tiếp tục tăng giá, ghi nhận nhiều biến động mạnh

Trong quý III, giá vàng tiếp tục giữ vững đà tăng từ đầu năm, tăng 6,03% đối với giá vàng giao ngay. Giá vàng đã tăng liên tục trong tháng 7 và tháng 8, ghi nhận mức tăng mạnh nhất kể từ đầu năm trong tháng 8 – lớn hơn 7%, tuy nhiên giá vàng đã giảm hơn 3% vào tháng cuối cùng của quý. Đáng chú ý là, mức độ biến động của giá vàng trong nhiều phiên giao dịch của tháng tăng hay giảm đã rất lớn, trong khoảng 1 – 2,3%. Xu hướng tăng của giá vàng tiếp tục được hỗ trợ mạnh mẽ bởi nhu cầu đầu tư an toàn trong bối cảnh kinh tế thương mại toàn cầu giảm sút, căng thẳng thương mại tiếp tục leo thang và mở rộng. Nhu cầu nắm giữ vàng đã tăng mạnh kể từ đầu năm, đặc biệt là nhu cầu của NHTW các nước và nhu cầu đầu tư qua các quỹ ETFs. Trong đà tăng của tháng 7 và tháng 8, giá vàng đã đạt và vượt ngưỡng giá giao dịch cao quan trọng trên 1.500 USD/ounce, duy trì mức giá này kéo dài từ ngày 7/8 đến ngày 6/9. Tuy nhiên, vàng cũng trở nên rất nhạy cảm với diễn biến các vấn đề của kinh tế toàn cầu, bằng chứng là giá vàng đã có nhiều phiên giảm mạnh vào tháng 9 trước những tín hiệu hạ nhiệt trong căng thẳng thương mại Mỹ - Trung, tình hình Hồng Kông xuất hiện những tín hiệu lạc quan, sự tăng điểm của thị trường chứng khoán hay áp lực bán khi giá vàng đạt đỉnh trong nhiều năm, cụ thể là chuỗi giảm từ ngày 5 - 10/9 và 02 ngày giao dịch cuối tháng. Kết thúc tháng 9, giá vàng giao ngay chốt giao dịch là 1.473,72 USD/ounce.

### Diễn biến giá vàng thế giới



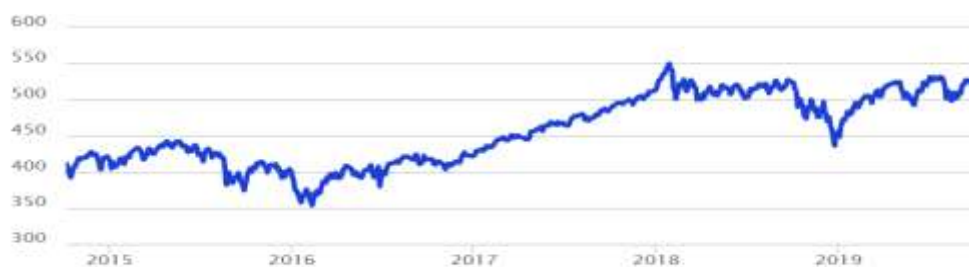
Nguồn: usagold.com

### Diễn biến thị trường chứng khoán

Chứng khoán toàn cầu quý III ghi nhận nhiều biến động

Trong quý III, chỉ số chứng khoán toàn cầu có nhiều biến động. Chỉ số MSCI ACWI tăng nhẹ 0,66% trong tháng 7, giảm 2,57% trong tháng 8 và lấy lại đà tăng 1,91% trong tháng 9. Kết thúc quý III, chỉ số MSCI ACWI ở mức 520,65 điểm, giảm nhẹ khoảng 0,2% so với cuối quý II. Yếu tố tác động chi phối diễn biến chứng khoán toàn cầu trong quý III chủ yếu xuất phát từ những lo ngại về sự suy yếu của kinh tế toàn cầu cũng như tại các nền kinh tế chủ chốt. Bên cạnh đó, những lo ngại mới về khả năng mở rộng cuộc chiến thương mại giữa Mỹ và các nước đối tác, sự thay đổi trong định hướng điều hành CSTT tại NHTW các nước lớn cũng tạo ra các tác động khiến thị trường có nhiều biến động. Diễn biến của các thị trường lớn có những biến động khác nhau.

### Diễn biến chỉ số chứng khoán MSCI ACWI



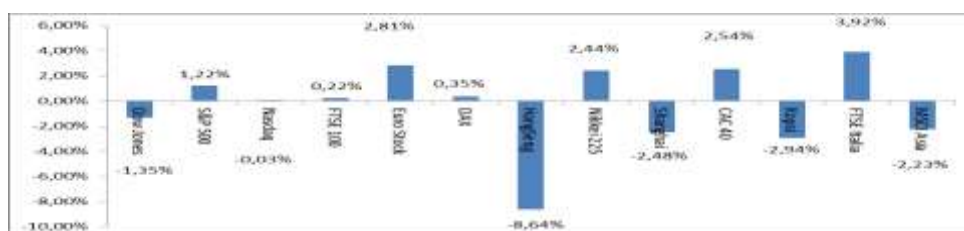
Nguồn: msci.com

Trên TTCK Mỹ, trong quý III chỉ duy nhất chỉ số S&P 500 vẫn giữ được đà tăng điểm với mức tăng 1,22% trong khi chỉ số Dow Jones và Nasdaq lần lượt giảm 1,35% và 0,03%. Xu hướng tăng được duy trì trong tháng 7, tuy nhiên bước sang tháng 8 thị trường trải qua nhiều đợt biến động và điều chỉnh giảm mạnh hơn, xoay quanh các thời điểm khi đường cong lợi suất trái phiếu Mỹ đảo chiều, khi Tổng thống Donald Trump đưa ra các quyết định tăng thuế với hàng hóa Trung Quốc hay khi Fed đưa ra các quyết định cắt giảm lãi suất. Xu hướng giảm càng trở nên rõ nét hơn vào cuối quý do cộng hưởng bởi những diễn biến kém tích cực của kinh tế Mỹ.

Chứng khoán Châu Âu có diễn biến khác với chứng khoán Mỹ khi giảm điểm trong 2 tháng đầu quý do chịu tác động xấu từ xu hướng suy giảm tại các nền kinh tế trong khu vực và nhiều bất ổn nội khối vẫn chưa được giải quyết<sup>6</sup>. Tuy nhiên, trong tháng 9 thị trường đã hồi phục trở lại khi NHTW Châu Âu đã đưa ra các chính sách nới lỏng kinh tế mạnh hơn kỳ vọng. Kết thúc quý III, chỉ số EuroStoxx toàn khu vực tăng 2,81% so với quý trước, trong đó riêng tháng 9 mức tăng đạt được là 4,16% đã giúp bù đắp mức giảm của 2 tháng trước đó. Các chỉ số chứng khoán tại các thị trường chủ chốt cũng có diễn biến tương tự, theo đó chỉ số chứng khoán chung với chỉ số CAC 40 của Pháp đạt được mức tăng điểm 2,54% so với quý trước, chỉ số FTSE 100 của Anh tăng 0,22%, chỉ số DAX của Đức tăng 0,35%, chỉ số FTSE của Italia tăng 3,92%,...

TTCK Châu Á ghi nhận quý giảm điểm đầu tiên kể từ đầu năm đến nay với chỉ số MSCI Châu Á Thái Bình Dương điều chỉnh giảm 2,23% so với quý trước. TTCK Hồng Kông bên cạnh chịu tác động từ các yếu tố quốc tế còn bị ảnh hưởng từ tình hình chính trị bất ổn trong nước nên chỉ số HangSeng giảm mạnh 8,64% so với quý trước. Nhiều thị trường tại các nền kinh tế mới nổi cũng điều chỉnh giảm điểm, điển hình là chỉ số Shanghai của Trung Quốc giảm 2,48%, chỉ số BSE của Ấn Độ giảm 2,54%; chỉ số FTSE Malaysia giảm 5,37%, chỉ số Jakarta của Indonesia giảm xấp xỉ 3%; chỉ số FTSE Singapore giảm 5,1%,...

### Mức thay đổi của các chỉ số chứng khoán chủ chốt trên thế giới trong quý III



Nguồn: Bloomberg

<sup>6</sup> Trong quý III, châu Âu tiếp tục phải đối mặt với vấn đề căng thẳng thương mại với Mỹ; bất đồng trong đàm phán Brexit liên quan đến vấn đề đường biên giới giữa Bắc Ireland và Cộng hòa Ireland cùng một số điều khoản trong thỏa thuận thương mại mới giữa Anh-EU; tăng trưởng kinh tế suy giảm tại Anh và nền kinh tế đầu tàu Đức...

### 3. Điều hành lãi suất của NHTW các quốc gia

*Xu hướng giảm lãi suất tại các NHTW ngày càng rõ nét hơn*

Thống kê của tổ chức Central Bank News cho thấy trong quý III đã có 46 NHTW tiến hành cắt giảm lãi suất 67 lượt với tổng số điểm cắt giảm là 28 điểm phần trăm (tăng mạnh về số lượt cắt giảm và mức độ thay đổi của lãi suất so với 2 quý trước<sup>7</sup>). Xu hướng cắt giảm lãi suất của các NHTW diễn ra liên tục qua các tháng trong quý, trong đó mức cắt giảm trong tháng 9 diễn ra mạnh mẽ nhất<sup>8</sup>. Hiện tại, theo tính toán của Central Bank News, chỉ số theo dõi lãi suất toàn cầu (GIRM) đang ở mức 5,94%, giảm 0,27 điểm % so với cuối quý II.

Trong nhóm các nền kinh tế phát triển, trong quý III có 3 NHTW lớn đã tiến hành giảm lãi suất là NHTW Châu Âu, NHTW Australia và Cục dự trữ liên bang Mỹ.

- Ngày 02/7, **NHTW Australia** đã tiến hành hạ lãi suất lần thứ 2 trong năm nay thêm 0,25%, đưa mức lãi suất điều hành về mức 1%.

- Ngày 12/9, **Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB)** đã quyết định cắt giảm lãi suất tiền gửi từ -0,4% xuống mức thấp kỷ lục mới -0,5%, đồng thời khởi động lại chương trình mua trái phiếu với quy mô 20 tỷ euro/tháng kể từ tháng 11 tới nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế Khu vực đồng tiền chung Châu Âu (Eurozone) và ngăn chặn những dự đoán về sự suy giảm của lạm phát.

- Trong quý III, **Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed)** đã hai lần cắt giảm lãi suất vào ngày 31/7 và ngày 18/9 với tổng mức giảm 0,5%, đưa mức lãi suất điều hành hiện tại về 1,75% - 2%.

- **NHTW Nhật Bản** vẫn quyết định duy trì mục tiêu lãi suất ngắn hạn ở mức -0,1% và lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm ở mức khoảng 0%. Nhưng BoJ cho biết sẽ cho phép lãi suất dài hạn dao động tùy thuộc vào sự phát triển kinh tế và giá cả, đồng thời tiến hành mua tài sản linh hoạt hơn.

Bên cạnh đó, nhiều quốc gia thuộc nhóm các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi cũng tiến hành điều chỉnh giảm lãi suất trước bối cảnh tăng trưởng kinh tế suy yếu. Trong đó, có 2 NHTW Indonesia và Paragoay đã cắt giảm lãi suất 3 lần, 16 NHTW đã cắt giảm lãi suất 2 lần và 25 NHTW đã cắt giảm lãi suất 1 lần trong quý III.

### 4. Triển vọng kinh tế toàn cầu cuối năm 2019

*Các tổ chức quốc tế đã đồng loạt hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2019*

Sau những diễn biến kém tích cực trong quý III, trong những tháng cuối năm 2019 kinh tế thế giới sẽ vẫn tiếp tục đối mặt với những áp lực đến từ tình trạng suy giảm tăng trưởng kinh tế diễn ra ở phạm vi rộng trên toàn cầu; căng thẳng thương mại giữa các nước lớn tiếp tục gia tăng; tình trạng xung đột chính trị vẫn chưa chấm dứt, đặc biệt tại điểm nóng là khu vực Trung Đông; việc thực hiện Brexit mà chưa đi đến thỏa thuận với khu vực EU; xu hướng rời lỏng CSTT đang diễn ra trên toàn cầu... Trong bối cảnh đó, các tổ chức quốc tế lớn đã điều chỉnh lại nhận định về tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2019. Cụ thể, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) trong báo cáo cập nhật kinh tế toàn cầu vào tháng 10 đã hạ dự báo mức tăng trưởng toàn cầu năm 2019 xuống 3,2%, thấp hơn 0,1 điểm % so với dự báo 3,3% trước đó và đây

<sup>7</sup> Trong quý II có 26 lượt cắt giảm với tổng số điểm cắt giảm là 15,75 điểm phần trăm; trong quý I có 19 lượt cắt giảm với tổng số điểm cắt giảm là 9,25 điểm phần trăm.

<sup>8</sup> Trong tháng 9, tổng số điểm cắt giảm lãi suất của các NHTW là 10,5 điểm %, trong khi đó tháng 8 là 8 điểm % và tháng 7 là 9,5 điểm %.

là lần thứ ba trong năm IMF giảm dự báo tăng trưởng toàn cầu. Các tổ chức quốc tế khác còn đưa ra các mức dự báo tiêu cực hơn khi dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu chỉ giao động trong mức 2,3% - 2,6%, thấp hơn 0,3% so với mức dự báo đưa ra trước đó.

Giá cả hàng hóa thế giới trong những tháng cuối năm sẽ đối mặt với nhiều biến động ảnh hưởng của chiến tranh thương mại và bất ổn chính trị ở Trung Đông. Mặc dù vậy, trước dự báo tăng trưởng toàn cầu đi xuống sẽ có thể làm giảm nhu cầu đối với hàng hóa và khiến giá cả hàng hóa toàn cầu có thể xuống thấp. Theo đó, ngân hàng Morgan Stanley đã hạ dự báo giá dầu thô Brent trong quý IV năm 2019 xuống 60 USD/thùng từ mức 65 USD, và giảm giá dầu thô ngọt nhẹ WTI xuống 55 USD từ mức 58 USD trước đó.

Với dự báo giá cả hàng hóa giảm và tăng trưởng toàn cầu suy yếu, áp lực lạm phát trong những tháng cuối năm 2019 ở mức thấp. Theo dự báo của Yardeni Research Inc, lạm phát năm 2019 ở mức 4,9%, trong đó lạm phát tại các nền kinh tế mới nổi là 6,9% và lạm phát tại các nền kinh tế phát triển là 1,6%.

Theo ước tính mới của WTO, thương mại hàng hóa toàn cầu năm 2019 sẽ chỉ tăng 1,2%, giảm một nửa so với ước tính đưa ra hồi tháng 4 là 2,6% và yếu hơn rất nhiều mức tăng trưởng ghi nhận hồi năm 2018 là 3%. Đồng thời WTO cũng cảnh báo con số này còn có thể xuống thấp hơn nếu căng thẳng thương mại leo thang, tăng trưởng kinh tế toàn cầu giảm sút và việc nước Anh rời EU mà không đạt được một thỏa thuận.

#### Dự báo mới nhất của một số tổ chức quốc tế về tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2019

(% yoy)

	Dự báo trước	Dự báo hiện tại
<b>IMF</b>	3,3%	3,2%
<b>WTO</b>	2,6%	2,3%
<b>OECD</b>	3,2%	2,9%
<b>WB</b>	2,9%	2,6%

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo của các tổ chức quốc tế

## KINH TẾ TRONG NƯỚC

### 1. Tăng trưởng kinh tế

**Kinh tế tiếp tục tăng trưởng tích cực, GDP quý III tăng mạnh so với quý trước**

Trong quý III, GDP ước tính tăng 7,31% so với cùng kỳ năm trước – tăng mạnh so với mức tăng 6,82% của quý I và 6,73% của quý II, đồng thời cũng là mức tăng cao theo quý được duy trì trong vài năm trở lại đây. Trong đó, xét theo mức độ tăng trưởng của các khu vực kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,53%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 10,05% và khu vực dịch vụ tăng 7,11%. Bên cạnh đó, trên góc độ sử dụng GDP thì tiêu dùng cuối cùng tăng 7,46%; tích lũy tài sản tăng 8,44%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 8,36%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 10,19% so với cùng kỳ năm trước.

### Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước 9 tháng

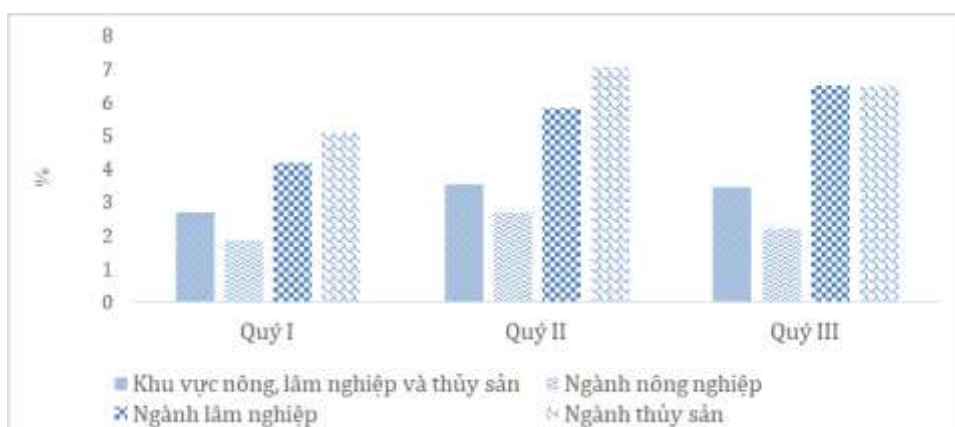
	Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm trước (%)		
	Quý I	Quý II	Quý III
Tổng số	6,82	6,73	7,31
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	2,68	2,19	1,53
Công nghiệp và xây dựng	8,63	9,14	10,05
Dịch vụ	6,5	6,85	7,11

Nguồn: TCTK

Tính chung 9 tháng năm 2019, GDP ước tính tăng 6,98% so với cùng kỳ năm trước – là mức tăng 9 tháng cao nhất trong 9 năm trở lại đây. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực công nghiệp và xây dựng có mức tăng trưởng cao nhất trong 3 khu vực, khu vực dịch vụ đứng thứ hai còn khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng thấp nhất, cụ thể:

+ Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,02%, thấp hơn mức tăng 3,7% của cùng kỳ năm 2018, đóng góp 4,8% vào mức tăng trưởng chung. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có xu hướng giảm qua các quý, chủ yếu chịu ảnh hưởng bởi thiên tai, hạn hán, dịch tả lợn Châu Phi và những tác động bất lợi từ xu hướng suy giảm của kinh tế toàn cầu và giá cả nông sản quốc tế. Trong 9 tháng đầu năm, ngành nông nghiệp tăng 0,74%, đóng góp 0,09 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Điểm sáng của khu vực này là ngành thủy sản đạt kết quả khá với mức tăng 6,12%, đóng góp 0,21 điểm phần trăm; ngành lâm nghiệp tăng 3,98% đóng góp 0,03 điểm phần trăm.

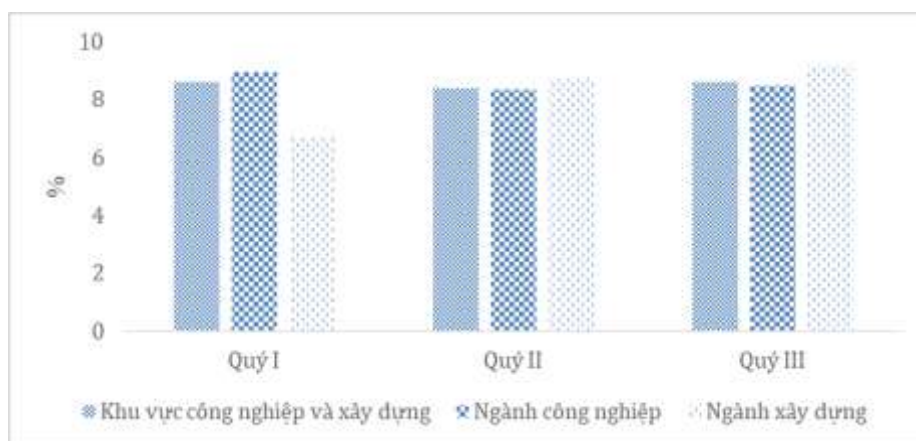
#### Tốc độ tăng trưởng của các nhóm ngành trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản



Nguồn: TCTK

+ Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,36%, đóng góp 52,6% vào mức tăng trưởng chung và duy trì được đà tăng qua các quý – giữ vững vai trò dẫn đầu trong tăng trưởng kinh tế. Trong đó, ngành công nghiệp 9 tháng duy trì mức tăng trưởng khá 9,56%, đóng góp 3,16 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành xây dựng 9 tháng duy trì tăng trưởng khá ở mức 8,33%, đóng góp 0,55 điểm phần trăm.

### Tốc độ tăng trưởng của các nhóm ngành trong khu vực công nghiệp xây dựng



Nguồn: TCTK

Trong các ngành công nghiệp, công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục khẳng định là điểm sáng của khu vực này với mức tăng cao 11,37%, đóng góp 2,42 điểm phần trăm. Ngành công nghiệp khai khoáng tăng 2,68%, đóng góp 0,17 điểm phần trăm. Ngành sản xuất và phân phối điện tăng 10,7%, đóng góp 0,5 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,43%, đóng góp 0,06 điểm phần trăm.

Xu hướng tăng cao của công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục được hỗ trợ bởi các ngành sản xuất chủ chốt với mức tăng cao hơn mức tăng trưởng chung như: Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 38,3%; sản xuất kim loại tăng 36,7% nhờ sự đóng góp tích cực của Tập đoàn Formosa Hà Tĩnh; khai thác quặng kim loại tăng 21,2%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 15%; khai thác than cứng và than non tăng 12,4%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 12%.

+ Khu vực dịch vụ tăng 6,85% - cao hơn một chút so với mức tăng 6,75% của cùng kỳ năm ngoái, đóng góp 42,6% vào mức tăng trưởng chung. Trong đó, một số ngành chủ chốt cũng đã có được đà tăng trưởng tốt, như ngành bán buôn và bán lẻ tăng 8,31% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,89 điểm phần trăm tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,19%, đóng góp 0,48 điểm phần trăm; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 6,15%, đóng góp 0,28 điểm phần trăm; ngành vận tải, kho bãi tăng 7,82%, đóng góp 0,26 điểm phần trăm.

Trong cơ cấu nền kinh tế 9 tháng, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 13,20% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 33,98%; khu vực dịch vụ chiếm 42,74%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 10,08% - cơ cấu này không có nhiều thay đổi so với cùng kỳ năm ngoái<sup>9</sup>.

Bên cạnh đó, trên góc độ sử dụng GDP 9 tháng năm 2019, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,20% so với cùng kỳ năm 2018; tích lũy tài sản tăng 7,68%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 7,41%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 8,78%.

<sup>9</sup> Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2018 là: 13,94%; 33,50%; 42,51%; 10,05%

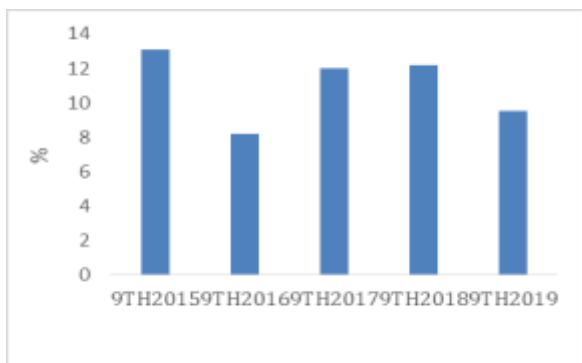
**Tình hình tồn kho và tiêu thụ trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo**

- Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong 9 tháng năm 2019 tăng 9,5% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 12,2% của năm 2018. Trong đó, một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao: Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 41,4%; sản xuất kim loại tăng 28,5%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 14,6%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 13,9%; sản xuất đồ uống tăng 11,9%; sản xuất xe có động cơ tăng 10,5%.

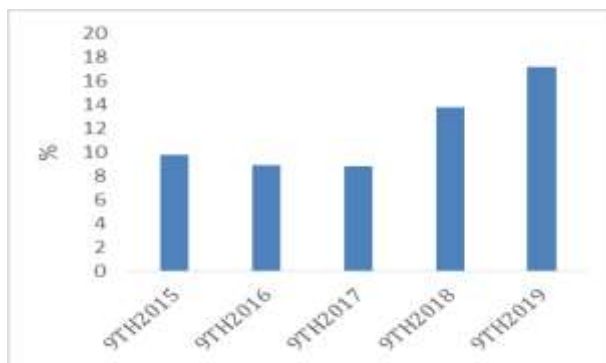
Bên cạnh đó, một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng thấp hoặc giảm: Sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 3,5%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 2,8%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học giảm 0,2%; sản xuất phương tiện vận tải khác (mô tô, xe máy) giảm 10,2% và sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu giảm 18,4%.

- Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính tại thời điểm 30/9/2019 tăng 17,2% so với cùng thời điểm năm trước, cao hơn mức tăng 13,8% của năm trước, trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho tăng thấp hơn mức tăng chung hoặc giảm: In, sao chép bản ghi các loại giảm 18,8%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 1,1%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 5,3%. Đồng thời, một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao so với cùng thời điểm năm trước: Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 35,8%; sản xuất kim loại tăng 39,6%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 52,4%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 55,7%; sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu tăng 100,1%; sản xuất phương tiện vận tải khác (mô tô, xe máy) tăng 123,9%.

**Diễn biến chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo so với cùng kỳ**



**Diễn biến chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo so với cùng kỳ**



Nguồn: TCTK

**Các điều kiện kinh doanh có xu hướng cải thiện nhẹ trong quý III**

Trong Quý III, xu hướng cải thiện các điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo có xu hướng thu hẹp so với quý trước, cụ thể là chỉ số PMI - chỉ số Nhà quản trị mua hàng lĩnh vực sản xuất của Việt Nam sau khi kéo dài được đà tăng của quý II trong tháng 7 đã quay đầu giảm liên tiếp trong 2 tháng kế tiếp, đạt mức tăng 50,5 điểm trong tháng 9. Mặc dù, PMI tiếp tục phản ánh xu hướng tăng trưởng liên tục trong 45 tháng, nhưng kết quả PMI của tháng 9 hiện ở mức tăng thấp nhất kể từ tháng 2/2016. Diễn biến giảm của PMI trong 2 tháng gần đây chủ yếu là do số lượng đơn hàng mới, đặc biệt là đơn hàng xuất khẩu tăng ở mức thấp trong bối cảnh suy giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Thực tế đó đã ảnh hưởng bất lợi ngay lập tức tới các yếu tố thành phần khác với các diễn biến đáng chú ý như sau:

+ Số lượng đơn đặt hàng mới tăng yếu hơn dẫn đến sản lượng giảm nhẹ, và

đây là lần giảm đầu tiên kể từ tháng 11/2017. Số lượng nhân công cũng đã giảm vào cuối quý III, kết thúc thời kỳ tăng việc làm kéo dài ba tháng.

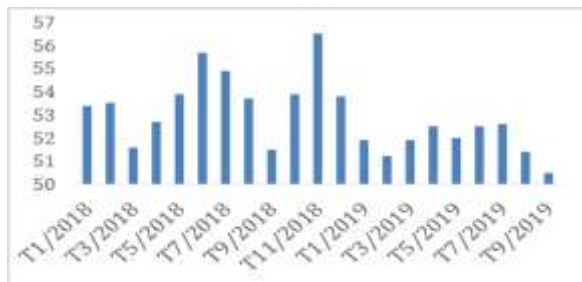
+ Sản lượng thấp hơn đã không khuyến khích mua hàng hóa đầu vào, dẫn đến tốc độ tăng hoạt động mua hàng đã chậm lại gần thành mức đình trệ. Tồn kho của cả hàng mua và hàng thành phẩm đều tăng nhẹ.

+ Mức độ lạc quan kinh doanh đã giảm lần thứ hai liên tiếp, mức độ tin tưởng về khả năng tăng sản lượng là thấp nhất kể từ tháng 8/2018 và là mức yếu nhất kể từ khi dữ liệu về kỳ vọng tương lai được bổ sung vào khảo sát từ tháng 4/2012.

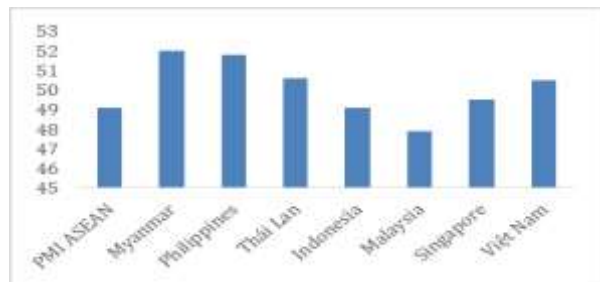
Một diễn biến tích cực duy nhất đó là các nhà sản xuất vẫn có cơ hội giảm giá bán để kích thích nhu cầu của khách hàng khi áp lực chi phí đầu vào gia tăng là không lớn và xu hướng giảm giá cả đầu ra trong tháng 9 đã ghi nhận tháng giảm thứ 10 liên tiếp.

Mặc dù vậy, diễn biến của PMI trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo của Việt Nam vẫn thuộc vào nhóm nước tích cực trong khu vực ASEAN, sau Myanmar (52), Philippines (51,8), tương đồng với Thái Lan (50,6) trong bối cảnh các điều kiện hoạt động của các công ty sản xuất khu vực ASEAN suy giảm tháng thứ tư liên tiếp, chỉ số PMI toàn phần của khu vực trong tháng 9 ở mức 49,1 điểm – tiếp tục nằm dưới ngưỡng mở rộng.

**Diễn biến chỉ số PMI**



**Diễn biến chỉ số PMI của 7 nước ASEAN**



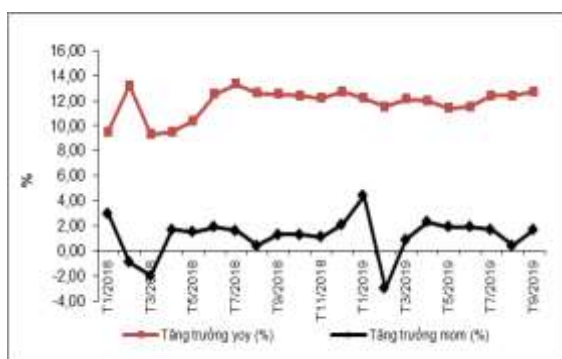
Nguồn: Nikkei

**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng duy trì mức tăng trưởng tích cực qua các tháng của quý III**

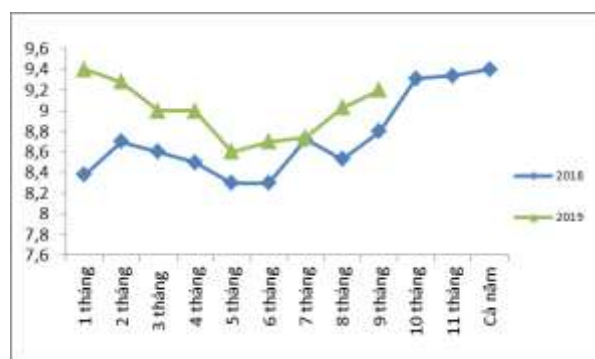
Trong quý III, tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đã liên tục đạt mức tăng trưởng cao trên 12% so với cùng kỳ qua các tháng, trong đó tháng 9 đạt mức tăng trưởng cao nhất kể từ đầu năm đến nay là 12,7%. Tính chung cả quý III năm 2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 1.246,4 nghìn tỷ đồng, tăng 3,5% so với quý trước và tăng 12,2% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 9 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 3.634,8 nghìn tỷ đồng, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 9,2%, cao hơn mức tăng 9,1% của cùng kỳ năm 2018. Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa 9 tháng đạt 2.762,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 76% tổng mức và tăng 12,6% so với cùng kỳ năm trước; Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước tính đạt 434,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 12% tổng mức và tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước; Doanh thu du lịch lữ hành 9 tháng ước tính đạt 33,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,9% tổng mức và tăng 12% so với cùng kỳ năm trước; Doanh thu dịch vụ khác 9 tháng ước tính đạt 404,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 11,1% tổng mức và tăng 7,3% so với cùng kỳ năm 2018.

**Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu DV TD so với tháng trước và cùng kỳ (%)**



**Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đã loại trừ yếu tố giá (% yoy)**



Nguồn: TCTK

**Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tiếp tục gia tăng, trong đó vốn đầu tư từ khu vực ngoài Nhà nước vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất**

Trong quý III, tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 556,5 nghìn tỷ đồng, tăng 10,5% so với cùng kỳ 2018. Trong đó, vốn đầu tư từ khu vực ngoài Nhà nước ước đạt 265,5 nghìn tỷ, tăng 17,5% so với cùng kỳ và là khu vực đạt mức tăng trưởng cao nhất. Vốn đầu tư từ khu vực Nhà nước ước đạt 171,6 nghìn tỷ, đạt mức tăng thấp nhất trong 3 khu vực là 3,7% so với cùng kỳ. Vốn đầu tư từ khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 118,3 nghìn tỷ đồng, tăng 6,3% so với cùng kỳ.

Tính chung 9 tháng, tổng vốn đầu tư toàn xã hội theo giá hiện hành ước tính đạt 1.378,3 nghìn tỷ đồng, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước và bằng 34,3% GDP, thấp hơn một chút so với mức tăng 10,6% của cùng kỳ năm 2018. Trong đó, vốn đầu tư từ khu vực ngoài Nhà nước đạt mức tăng 16,9%, vốn đầu tư từ khu vực Nhà nước đạt mức tăng 3% và vốn đầu tư từ khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt mức tăng 8,4%, đều thấp hơn so với mức tăng trưởng của cùng kỳ năm 2018<sup>10</sup>.

Qua 9 tháng hiện vốn đầu tư từ khu vực ngoài Nhà nước đang chiếm tỷ trọng 45,32% tổng vốn đầu tư toàn xã hội – tỷ trọng lớn nhất trong 3 khu vực và cũng là mức tỷ trọng cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây. Tỷ trọng vốn đầu tư khu vực Nhà nước trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội cũng có xu hướng điều chỉnh giảm dần so với cùng kỳ các năm trước, hiện chiếm 30,95% tổng vốn. Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài hiện chiếm 23,73% tổng vốn – không có nhiều thay đổi so với cùng kỳ các năm trước.

**Tỷ trọng vốn đầu tư của các khu vực trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội**



Nguồn: TCTK

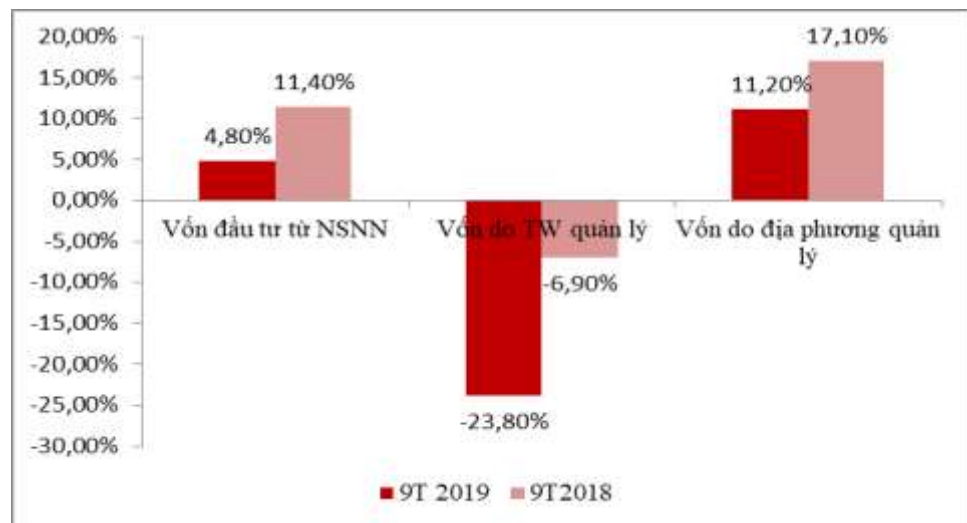
<sup>10</sup> 9 tháng năm 2018, vốn đầu tư từ khu vực ngoài Nhà nước đạt mức tăng 17,9%; khu vực Nhà nước đạt mức tăng 3,3% và khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt mức tăng 9,1%.

**Vốn đầu tư từ nguồn NSNN thực hiện qua 9 tháng vẫn còn chậm**

Lượng vốn đầu tư từ NSNN thực hiện trong quý III ước đạt 95,6 nghìn tỷ đồng, tăng 23,7% so với quý trước và tăng 6,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn từ nguồn ngân sách trung ương ước đạt 14,2 nghìn tỷ đồng, vốn từ nguồn ngân sách địa phương ước đạt 81,3 nghìn tỷ đồng.

Tính chung 9 tháng năm 2019, vốn từ ngân sách Nhà nước thực hiện ước tính đạt 224 nghìn tỷ đồng, bằng 59,7% kế hoạch năm và tăng 4,8% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước cả về mức thực hiện so với kế hoạch cũng như tốc độ tăng trưởng (cùng kỳ năm 2018 bằng 60,7% và tăng 11,4%). Sự chậm trễ này xuất phát từ phía nguồn vốn trung ương khi qua 9 tháng vốn trung ương quản lý chỉ đạt 29,9 nghìn tỷ đồng, bằng 50,1% kế hoạch năm và giảm 23,8% so với cùng kỳ năm trước. Vốn địa phương quản lý đạt 194,1 nghìn tỷ đồng, bằng 61,5% kế hoạch năm và tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước

**Tăng trưởng vốn đầu tư NSNN thực hiện và các cấu phần vốn bộ phận 9T/2019 và 9T/2018**



Nguồn: TCTK

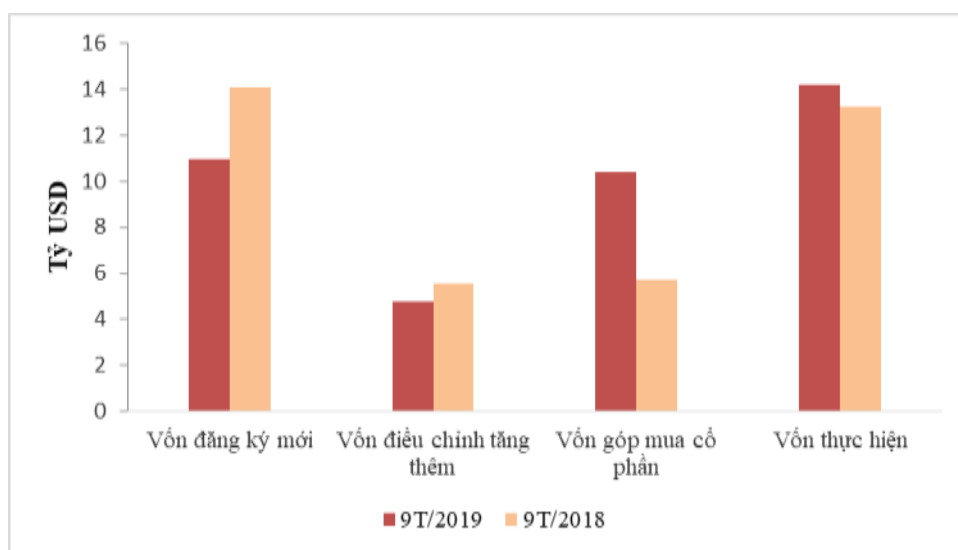
**Diễn biến các cấu phần vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam**

Tổng lượng vốn FDI thu hút mới và tăng thêm trong quý III ước đạt 5,4 tỷ USD, tăng 3,6% so với quý trước, trong đó vốn thu hút mới ước đạt 3,6 tỷ USD, giảm gần 1% so với quý trước; vốn điều chỉnh tăng thêm ước đạt 1,8 tỷ USD, tăng 13,6% so với quý trước. Vốn FDI thực hiện quý III ước đạt 5,1 tỷ USD, tăng 2,4% so với quý trước và cũng là quý đạt mức giải ngân cao nhất kể từ đầu năm đến nay. Vốn góp mua cổ phần ước đạt 2,28 tỷ USD, giảm 6,2% so với quý II.

Tính đến hết 20/9/2019, số vốn đăng ký mới ước đạt 10,97 tỷ USD, giảm 22,3% so với cùng kỳ năm 2018, trong khi 9 tháng năm 2018 giảm 3% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, số vốn tăng thêm ước đạt 4,79 tỷ USD, giảm 13,6% so với cùng kỳ năm trước, 9 tháng năm 2018 giảm 17,9% so với cùng kỳ. Như vậy, tổng số vốn đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong 9 tháng năm nay đạt 15,76 tỷ USD, giảm 19,9% so với cùng kỳ năm 2018, giảm mạnh hơn mức giảm 7,7% của 9 tháng năm ngoái. Vốn FDI thực hiện qua 9 tháng ước tính đạt 14,2 tỷ USD, tăng 7,3% so với cùng kỳ năm 2017, cao hơn mức tăng 6% của 9 tháng năm ngoái. Vốn góp mua cổ phần qua 9 tháng ước đạt 10,4 tỷ USD, tăng 82,3% so với cùng kỳ năm 2018, cao gấp đôi mức tăng 36,8% của 9 tháng năm 2018.

## Diễn biến các cấu phần vốn đầu tư nước ngoài 9T/2019 và 9T/2018

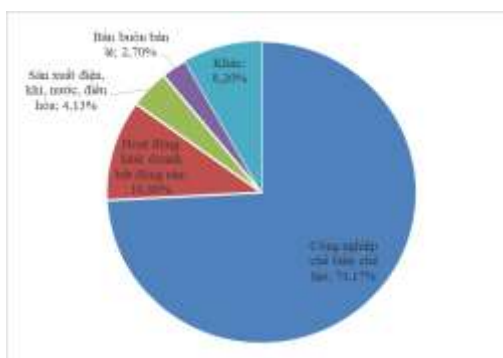
(triệu USD)



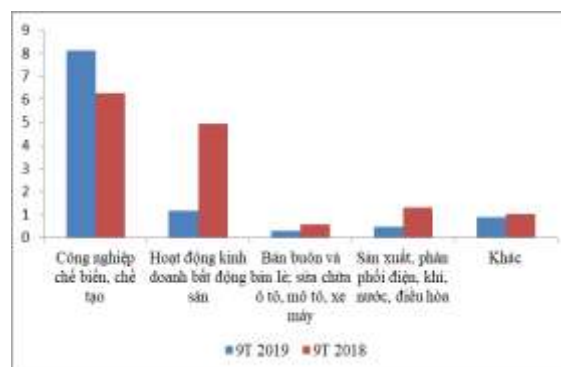
Nguồn: TCTK

Trong 9 tháng, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất, tiếp đó là các ngành hoạt động kinh doanh bất động sản; sản xuất, kinh doanh, phân phối điện, khí, nước, điều hòa và ngành bán buôn bán lẻ. Tuy nhiên, nếu so với năm trước ngoại trừ ngành chế biến chế tạo vẫn thu hút được lượng vốn FDI lớn hơn cùng kỳ năm trước, các ngành còn lại lượng vốn FDI thu hút mới đều giảm sút.

### Cơ cấu thu hút FDI theo ngành nghề 9T/2019



### Thu hút FDI vào các ngành 9T/2019 và 9T/2018



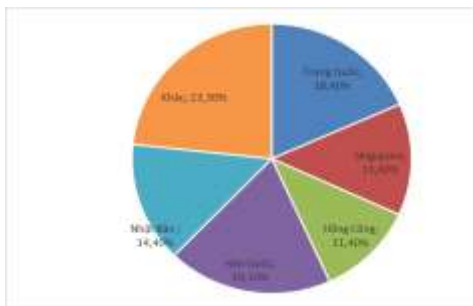
Nguồn: TCTK

Qua 9 tháng, đầu tư từ Hàn Quốc và Nhật Bản đã giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước<sup>11</sup>. Tuy nhiên, Hàn Quốc vẫn giữ vững vị trí là quốc gia đầu tư nhiều nhất tại Việt Nam còn Nhật Bản đứng ở vị trí thứ 3. Trong khi đó, Trung Quốc đã vươn lên vị trí thứ 2 trong các nhà đầu tư lớn nhất tại Việt Nam do lượng đầu tư tăng mạnh qua 9 tháng<sup>12</sup>. Một điểm đáng chú ý khác trong danh sách dự án lớn đầu tư vào Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2019 đều thuộc về các nhà đầu tư Trung Quốc và tập trung chủ yếu vào lĩnh vực chế biến chế tạo.

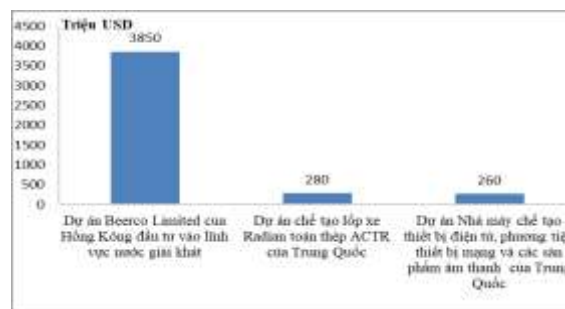
<sup>11</sup> Vốn FDI thu hút mới từ Nhật Bản 9 tháng năm 2019 đạt 1,58 tỷ USD, giảm chỉ còn chưa đầy 1/3 con số đầu tư trong 9 tháng năm 2018. Tương tự như vậy, vốn FDI thu hút mới từ Hàn Quốc 9 tháng năm nay đạt 2,1 tỷ USD, giảm 47% so với cùng kỳ năm ngoái.

<sup>12</sup> Đầu tư từ Trung Quốc tăng mạnh lên đạt 2,02 tỷ USD trong 9 tháng năm 2019, gấp 4 lần so với giá trị vốn đầu tư từ quốc gia này trong 9 tháng năm ngoái.

### Cơ cấu thu hút FDI theo đối tác 9T/2019



### Một số dự án đầu tư có giá trị lớn trong 9T/2019



Nguồn: TCTK

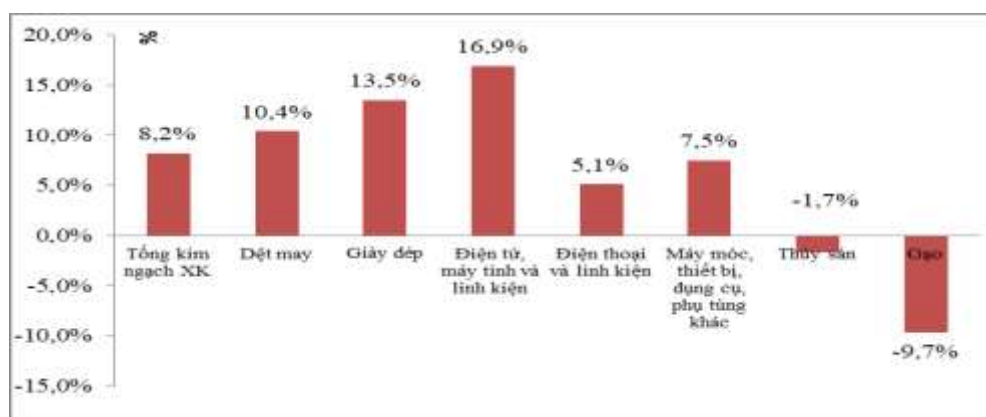
### Kim ngạch xuất khẩu tiếp tục diễn biến tốt

Tiếp nối đà tăng trưởng tốt của 2 quý đầu năm, xuất khẩu quý III ước đạt 71,76 tỷ USD, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2018 và tăng 12,7% so với quý II năm nay. Kim ngạch xuất khẩu qua các tháng của quý III đều ở mức cao trên 20 tỷ USD, trong đó tháng 8 đạt con số 25,885 tỷ USD – mức cao nhất từ trước đến nay.

Tính chung 9 tháng năm 2019, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 194,30 tỷ USD, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm 2018, mặc dù thấp hơn mức tăng 15,4% của 9 tháng năm 2018 nhưng vẫn cao hơn mức mục tiêu đặt ra cho cả năm 2019 là 7 - 8%. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 59,57 tỷ USD, tăng 16,4%, chiếm 30,7% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 134,73 tỷ USD, tăng 5%, chiếm 69,3% (tỷ trọng giảm 2,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước).

Trong 9 tháng năm 2019 có 26 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 89,8% tổng kim ngạch xuất khẩu (5 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 59,2%), trong đó nhiều mặt hàng còn đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn tốc độ tăng xuất khẩu chung<sup>13</sup>. Do giá xuất khẩu bình quân của nhiều mặt hàng nông sản giảm so với cùng kỳ năm trước nên kim ngạch xuất khẩu hầu hết các mặt hàng nông, thủy sản 9 tháng năm nay đều giảm<sup>14</sup>.

### Tốc độ tăng trưởng kim ngạch XK một số mặt hàng chủ lực 9T/2019



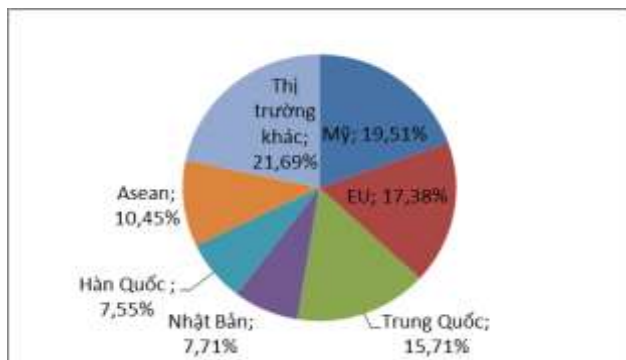
Nguồn: TCTK

<sup>13</sup> 9 tháng năm 2019, điện thoại và linh kiện có giá trị xuất khẩu lớn nhất đạt 38,6 tỷ USD, chiếm 19,9% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng 5,1% so với cùng kỳ năm trước; điện tử, máy tính và linh kiện đạt 25,4 tỷ USD, tăng 16,9%; hàng dệt may đạt 24,8 tỷ USD, tăng 10,4%; giày dép đạt 13,3 tỷ USD, tăng 13,5%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 12,9 tỷ USD, tăng 7,5%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 7,5 tỷ USD, tăng 17%; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 6,4 tỷ USD, tăng 8,1%.

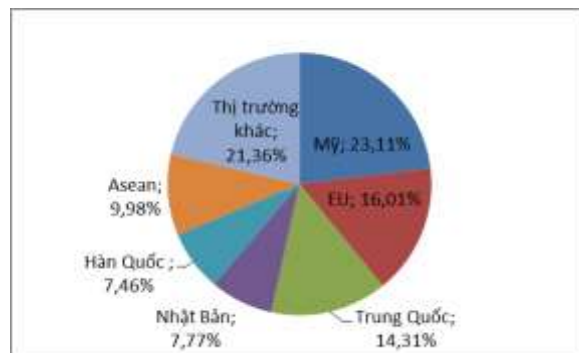
<sup>14</sup> 9 tháng 2019, thủy sản đạt 6,2 tỷ USD, giảm 1,7%; rau quả đạt 2,8 tỷ USD, giảm 4,6%; hạt điều đạt 2,4 tỷ USD, giảm 6% (lượng tăng 20,2%); cà phê đạt 2,2 tỷ USD, giảm 20,7% (lượng giảm 12%); gạo đạt 2,2 tỷ USD, giảm 9,7% (lượng tăng 4,5%); hạt tiêu đạt 593 triệu USD, giảm 6,4% (lượng tăng 21,1%)

Trong 9 tháng năm 2019, Mỹ củng cố vị trí là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 44,9 tỷ USD, tăng 28,2% so với cùng kỳ năm trước; tiếp đến là thị trường EU đạt 31,1 tỷ USD, giảm 0,7%; Trung Quốc đạt 27,8 tỷ USD, giảm 3,8%; thị trường ASEAN đạt 19,4 tỷ USD, tăng 4,7%; Nhật Bản đạt 15,1 tỷ USD, tăng 10%; Hàn Quốc đạt 14,5 tỷ USD, tăng 8,1%.

Tỷ trọng XK vào các thị trường 9T/2018



Tỷ trọng XK vào các thị trường 9T/2019



Nguồn: TCTK

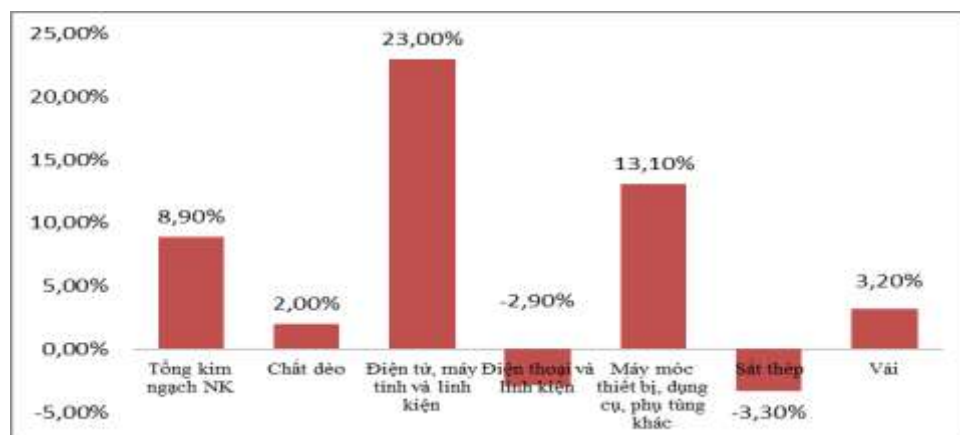
**Nhập khẩu tiếp tục tăng cao**

Trong quý III/2019, kim ngạch nhập khẩu đạt 67,48 tỷ USD, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm 2018 và tăng 6,3% so với quý II. Tính chung 9 tháng năm 2019, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước tính đạt 188,42 tỷ USD, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm 2018, thấp hơn mức tăng 11,8% của 9 tháng năm ngoái. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 78,97 tỷ USD, tăng 14%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 109,45 tỷ USD, tăng 5,5%.

Trong 9 tháng có 32 mặt hàng nhập khẩu đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD, chiếm 88,8% tổng kim ngạch nhập khẩu (2 mặt hàng đạt trên 20 tỷ USD, chiếm 34,9%), trong đó nhiều mặt hàng có tốc độ tăng cao<sup>15</sup>.

Về cơ cấu hàng hóa nhập khẩu 9 tháng năm 2019, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước tính đạt 172,2 tỷ USD, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 91,4% tổng kim ngạch hàng hóa nhập khẩu (giảm 0,3 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2018). Nhóm hàng tiêu dùng ước tính đạt 16,2 tỷ USD, tăng 13,3% và chiếm 8,6% (tăng 0,3 điểm phần trăm).

Tốc độ tăng trưởng kim ngạch NK một số mặt hàng chủ lực 9T/2019



Nguồn: TCTK

<sup>15</sup> Điện tử, máy tính và linh kiện đạt 38,6 tỷ USD (chiếm 20,5% tổng kim ngạch nhập khẩu), tăng 23% so với cùng kỳ năm trước; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 27,1 tỷ USD, tăng 13,1%; điện thoại và linh kiện đạt 10,7 tỷ USD, giảm 2,9%; vải đạt 9,7 tỷ USD, tăng 3,2%; sắt thép đạt 7,3 tỷ USD, giảm 3,3%; chất dẻo đạt 6,8 tỷ USD, tăng 2%;

Nhập khẩu từ tất cả các thị trường lớn qua 9 tháng đều tăng so với cùng kỳ<sup>16</sup>, trong đó nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc tăng mạnh nhất với tốc độ 17,3%, từ đó kéo thị phần nhập khẩu của Trung Quốc tăng lên so với cùng kỳ. Tỷ trọng cơ cấu thị trường nhập khẩu có sự dịch chuyển nhẹ từ các thị trường trong khu vực như Asean, Nhật Bản, Hàn Quốc sang các thị trường phương Tây như EU, Mỹ.

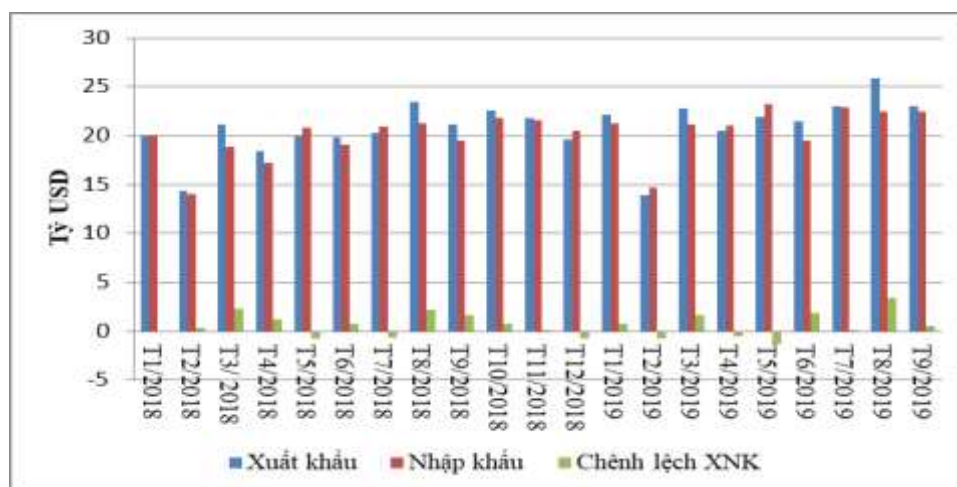
**Tỷ trọng NK từ các thị trường 9T/2018    Tỷ trọng NK vào các thị trường 9T/2019**



Nguồn: TCTK

Cán cân thương mại trong quý III ước xuất siêu 3,978 tỷ USD, là quý đạt được mức xuất siêu cao nhất kể từ đầu năm đến nay, trong đó riêng tháng 8 đạt mức xuất siêu 3,435 tỷ USD. Như vậy cán cân thương mại tính đến hết tháng 9 đã có tổng mức xuất siêu 5,9 tỷ USD, cao hơn mức xuất siêu 5,39 tỷ USD của 9 tháng năm ngoái. Trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 19,4 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 25,3 tỷ USD.

**Diễn biến XNK, cán cân thương mại giai đoạn 1/2018 – 9/2019**



Nguồn: TCTK

**Một số VBPL chính sách quan trọng liên quan đến điều tiết tăng trưởng kinh tế được ban hành trong tháng 9 năm 2019**

**Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư**

Theo đó, Ban Chấp hành Trung ương yêu cầu các ban, bộ, ngành, giữa Trung ương với các địa phương cần chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đây là yêu cầu tất yếu khách quan; là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, gắn chặt với quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng.

<sup>16</sup> 9 tháng năm 2019, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 55,5 tỷ USD, tăng 17,3% so với cùng kỳ năm trước; tiếp theo là thị trường Hàn Quốc đạt 35,4 tỷ USD, tăng 1%; thị trường ASEAN đạt 24,1 tỷ USD, tăng 3,8%; Nhật Bản đạt 14,1 tỷ USD, tăng 1,8%; thị trường EU đạt 11 tỷ USD, tăng 10,3%; Hoa Kỳ đạt 10,7 tỷ USD, tăng 12,6%.

Đặc biệt, phấn đấu đến năm 2025, Internet băng thông rộng phủ 100% các xã và đến năm 2030, mạng di động 5G phủ sóng toàn quốc; mọi người dân được truy cập Internet băng thông rộng với chi phí thấp. Để Việt Nam trở thành một trong những trung tâm sản xuất và dịch vụ thông minh, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo thuộc nhóm dẫn đầu khu vực Châu Á, Ban Chấp hành Trung ương đề ra một số chủ trương như sau:

Thứ nhất, rà soát tổng thể, đổi mới chương trình giáo dục theo hướng phát triển năng lực tiếp cận, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường công nghệ liên tục thay đổi; đưa vào chương trình giáo dục phổ thông nội dung kỹ năng số và ngoại ngữ tối thiểu. Đồng thời, đổi mới cách dạy và học trên cơ sở áp dụng công nghệ số; lấy đánh giá của doanh nghiệp làm thước đo cho chất lượng đào tạo của các trường đại học trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

Thứ hai, ưu tiên nguồn lực cho triển khai một số chương trình nghiên cứu trọng điểm quốc gia về các công nghệ ưu tiên, trọng tâm là: Công nghệ thông tin và truyền thông, cơ điện tử, công nghệ mới trong lĩnh vực năng lượng, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, điện tử y sinh...

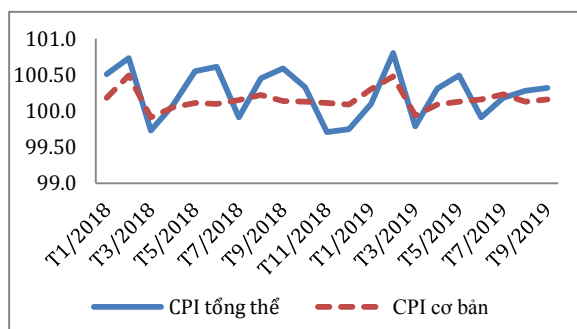
## 2. Diễn biến chỉ số giá tiêu dùng

**Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 9 tháng tăng thấp nhất trong 3 năm qua**

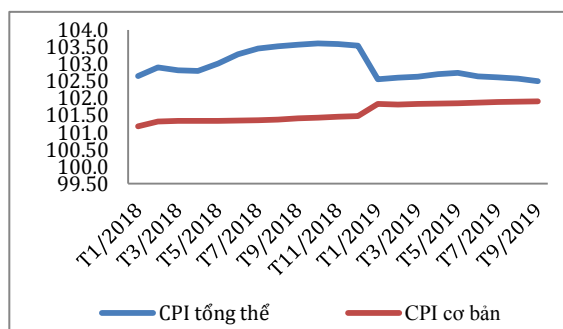
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 9 tháng tăng 2,5% so với cùng kỳ năm trước - là mức tăng thấp nhất trong cùng kỳ 3 năm qua<sup>17</sup>. Trong đó, CPI của tháng 9 tăng 0,32% so với tháng trước và CPI quý III/2019 đã tăng 0,48% so với quý trước và tăng 2,23% so với quý III/2018.

Lạm phát cơ bản tháng 9/2019 tăng 0,16% so với tháng trước và tăng 1,96% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 9 tháng năm 2019 tăng 1,91% so với bình quân cùng kỳ năm 2018.

CPI so với tháng trước giai đoạn 2018-2019 (%)



CPI bình quân so cùng kỳ giai đoạn 2018 - 2019 (%)



Nguồn: TCTK

Trong 9 tháng đầu năm, có 9/11 nhóm hàng hóa, dịch vụ có CPI bình quân tăng và có 02 nhóm có CPI bình quân giảm đi so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể:

- CPI của nhóm giáo dục trong 9 tháng tăng cao nhất, tăng 6,13% (chủ yếu do giá dịch vụ giáo dục tăng 6,73% làm CPI chung tăng 0,35% khi một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện tăng học phí năm học mới 2019-2020 theo lộ trình của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ). CPI bình quân Quý III/2019 của nhóm này tăng 5,91% so với cùng kỳ năm trước.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,49%, trong đó lương thực tăng 0,4% do giá gạo tăng ở một số địa phương bị ảnh hưởng của mưa lũ; thực phẩm tăng 4,21% trong đó riêng giá thịt lợn tăng 8,04% làm cho CPI chung tăng khoảng 0,34% so với cùng kỳ năm trước. CPI bình quân Quý III/2019 của nhóm này tăng 1,95% so với cùng kỳ năm trước.

<sup>17</sup> năm 2017 là 3,79%, năm 2018 là 3,57%

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 2,84% làm CPI chung tăng 0,13% do các địa phương điều chỉnh tăng giá dịch vụ y tế theo yêu cầu mới của Bộ Y tế.<sup>18</sup> CPI bình quân Quý III/2019 của nhóm này tăng 7,87% so với cùng kỳ năm trước.

- Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 2,74% do giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 2,12% so với cùng kỳ năm trước do chi phí đầu vào tăng trong mùa xây dựng trước ảnh hưởng của xu hướng tăng giá các mặt hàng thiết yếu trên thế giới. Bên cạnh đó, giá điện sinh hoạt điều chỉnh tăng cùng với nhu cầu trong mùa cao điểm<sup>19</sup> đã làm cho giá điện sinh hoạt 9 tháng năm 2019 tăng 7,69% so với cùng kỳ năm trước (làm CPI chung tăng 0,18%). CPI bình quân Quý III/2019 của nhóm này tăng 2,81% so với cùng kỳ năm trước.

- Một số nhóm hàng khác như đồ uống và thuốc lá tăng 1,92%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,36%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,89% và đồ dùng và dịch vụ khác tăng 2,52%.

Bên cạnh đó, trong 9 tháng đầu năm cũng đã có 02 nhóm hàng giảm giá, cụ thể: nhóm giao thông giảm 1,17% do giá xăng dầu<sup>20</sup> (góp phần giảm CPI chung 0,14%) và giá gas giảm lần lượt là 3,46% và 5,97% so với cùng kỳ năm 2018; Nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,7%. CPI bình quân Quý III/2019 của 02 nhóm này giảm lần lượt là 1,11% và 0,59% so với cùng kỳ năm trước.

#### **Một số VBPL chính sách quan trọng về điều tiết giá cả được ban hành trong tháng 9 năm 2019**

##### **Công văn 6817/BCT-TTTN ngày 16/9/2019 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu**

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giảm 109 đồng/lít; Xăng RON 95-III: giảm 92 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 139 đồng/lít; Dầu hỏa: tăng 35 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 262 đồng/kg.

##### **Thông tư 46/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở.**

Theo đó, nguồn kinh phí để tăng lương năm 2019 tại các địa phương gồm:

- Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2019 tăng thêm so với năm 2018 theo quyết định giao dự toán của Bộ Tài chính;
- Nguồn 50% tăng thu ngân sách địa phương, không kể tiền sử dụng đất và tiền thu được từ xổ số kiến thiết thực hiện so với dự toán năm 2018 được giao;
- 50% phần ngân sách Nhà nước giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập...

### **3. Thu chi ngân sách Nhà nước**

*Thu NSNN có sự cải thiện, chi đầu tư phát triển vẫn ở mức thấp*

Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/9/2019 ước tính đạt 1.028,7 nghìn tỷ đồng, bằng 72,9% dự toán năm, trong đó thu nội địa 824,6 nghìn tỷ đồng, bằng 70,3%; thu từ dầu thô 40,8 nghìn tỷ đồng, bằng 91,5%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 159,8 nghìn tỷ đồng, bằng 84,4%. Như vậy, qua 9 tháng hai cấu phần thu nội địa và thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu đang diễn biến theo chiều hướng tích cực, đạt mức thu so với dự toán đều cao hơn so với cùng kỳ năm trước<sup>21</sup>. Tuy nhiên, thu từ dầu thô đạt thấp hơn so với cùng kỳ năm trước do xu hướng điều chỉnh giảm

<sup>18</sup> Thông tư số 13/2019/TT-BYT ngày 5/7/2019 và Thông tư số 37/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 của Bộ Y tế.

<sup>19</sup> Quyết định số 648/QĐ-BCT của Bộ Công Thương

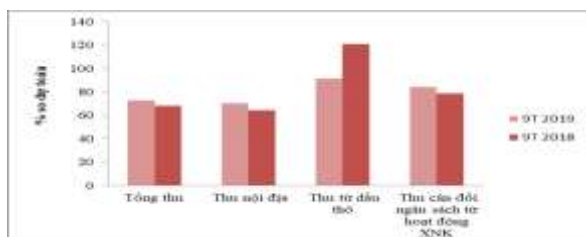
<sup>20</sup> Từ đầu năm đến nay có 18 đợt điều chỉnh giá với 6 đợt tăng, 4 đợt ổn định và 8 đợt giảm giá.

<sup>21</sup> Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/9/2018 ước tính đạt 898,3 nghìn tỷ đồng, bằng 68,1% dự toán năm, trong đó thu nội địa 710,1 nghìn tỷ đồng, bằng 64,6%; thu từ dầu thô 43,5 nghìn tỷ đồng, bằng 121,1%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 140,9 nghìn tỷ đồng, bằng 78,7%

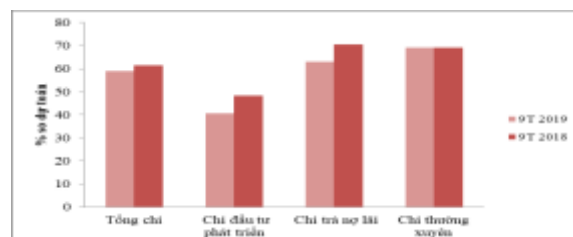
của giá dầu kể từ giữa năm trở lại đây.

Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/9/2019 ước tính đạt 962,2 nghìn tỷ đồng, bằng 58,9% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 691,9 nghìn tỷ đồng, bằng 69,2%; chi đầu tư phát triển 174,3 nghìn tỷ đồng, bằng 40,6%; chi trả nợ lãi 78,6 nghìn tỷ đồng, bằng 63%. Như vậy, mặc dù chi đầu tư phát triển đã có sự cải thiện trong một số tháng gần đây nhưng mức chi vẫn thấp so với kế hoạch và thấp hơn so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, 2 cấu phần chi thường xuyên và chi trả nợ lãi vẫn được kiểm soát chặt chẽ với mức chi so với dự toán thấp hơn so với cùng kỳ<sup>22</sup>.

**Diễn biến cấu phần thu NSNN 9T/2018 và 9T/2019**



**Diễn biến cấu phần chi NSNN 9T/2018 và 9T/2019**



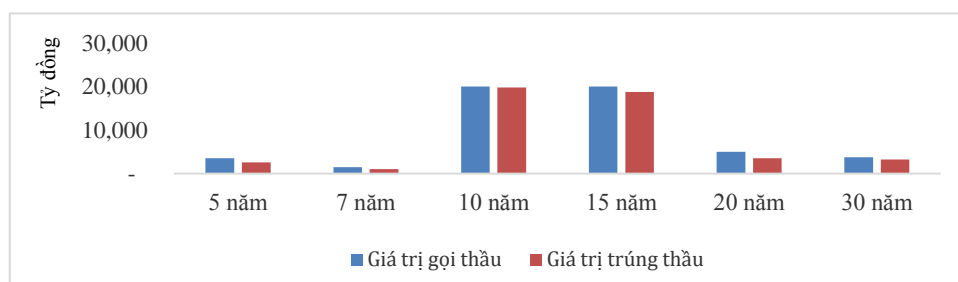
Nguồn: TCTK

Kết thúc Quý III năm 2019, KBNN huy động thành công 48.879 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ qua đấu thầu với tổng giá trị gọi thầu là 53.750 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 90,94%, hoàn thành 70% kế hoạch phát hành trái phiếu Chính phủ quý III năm 2019. Trong đó, giá trị huy động và gọi thầu trong tháng 9 là thấp nhất, lần lượt là 5.950 tỷ đồng và 6.250 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ.

Trong quý III, tỷ lệ TPCP gọi thầu tập trung ở kỳ hạn 10 – 15 năm, đồng thời tỷ lệ trúng thầu ở 02 kỳ hạn này đều đạt mức cao, trên 93% - cao hơn so với cùng kỳ năm ngoái.

Bên cạnh đó, lãi suất trái phiếu Chính phủ trúng thầu tiếp tục duy trì xu hướng giảm trong Quý III và giảm mạnh trong tháng 8<sup>23</sup> và tháng 9. Hiện tại, lãi suất trúng thầu của trái phiếu kỳ hạn 5 năm là 3,15%/năm, 7 năm là 3,54%/năm, 10 năm trong khoảng 3,97 - 4,40%/năm, 15 năm trong khoảng 4,24 - 4,75%/năm, 20 năm là 4,90%/năm, 30 năm là 5,23%/năm.

**Giá trị trúng thầu và gọi thầu qua các kỳ hạn trong quý III năm 2019**



Nguồn: hnx.vn

<sup>22</sup> Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/9/2018 ước tính đạt 936,6 nghìn tỷ đồng, bằng 61,5% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 651 nghìn tỷ đồng, bằng 69,2%; chi đầu tư phát triển 192,8 nghìn tỷ đồng, bằng 48,2%; chi trả nợ lãi 79,3 nghìn tỷ đồng, bằng 70,5%.

<sup>23</sup> So với tháng 7/2019, lãi suất trúng thầu của trái phiếu Chính phủ giảm trên tất cả các kỳ hạn, với mức giảm từ 0,12-0,38 điểm phần trăm

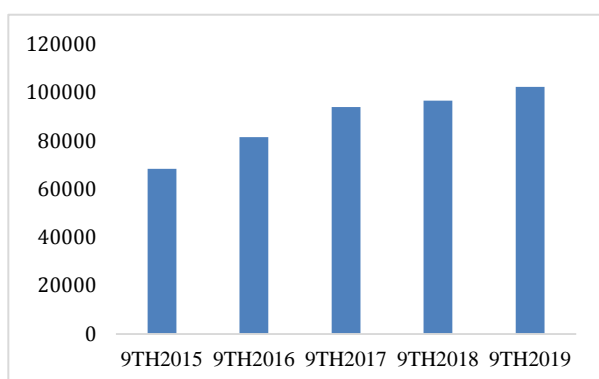
#### 4. Tình hình doanh nghiệp

**Tình hình đăng ký doanh nghiệp** Trong 9 tháng đầu năm 2019, cả nước có gần 102,3 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 1.290,8 nghìn tỷ đồng, tăng 5,9% về số doanh nghiệp và tăng 34% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2018, vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 12,6 tỷ đồng, tăng 26,6%. Trong đó, quý III/2019 có 35,3 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 430,6 nghìn tỷ đồng; Tính riêng trong tháng 9 đã có 11.787 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 140,2 nghìn tỷ đồng.

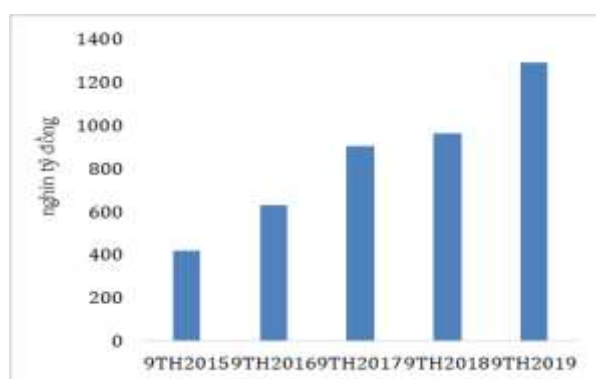
Bên cạnh đó, trong 9 tháng đầu năm đã có 27,6 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 20,5% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 9 tháng đầu năm, theo khu vực kinh tế có gần 1,5 nghìn doanh nghiệp thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, chiếm 1,5% tổng số doanh nghiệp thành lập mới; có 27,5 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, chiếm 26,9%; có 73,3 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ, chiếm 71,6%. Trong khi đó, các doanh nghiệp thành lập mới tiếp tục gia tăng ở các lĩnh vực kinh doanh bất động sản; xây dựng; công nghiệp chế biến, chế tạo; dịch vụ việc làm, du lịch; khoa học, công nghệ, dịch vụ, với mức tăng giao động từ 0,8 – 20,7%.

Số DN thành lập mới



Vốn đăng ký kinh doanh



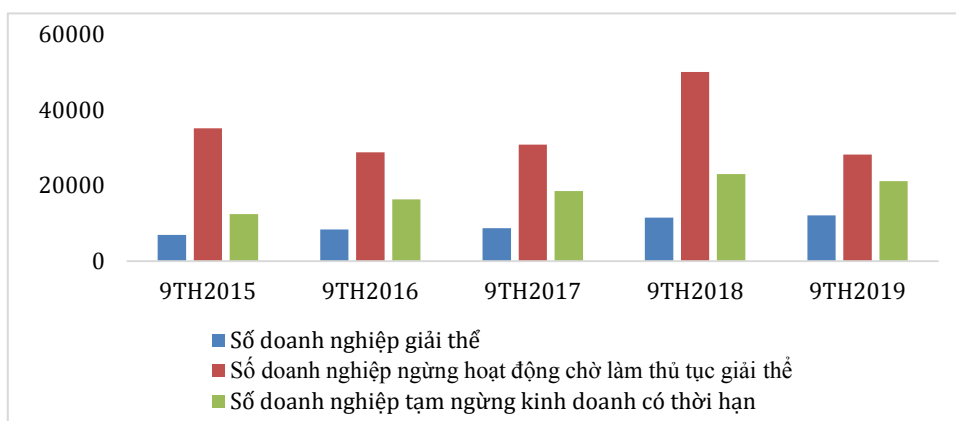
Nguồn: TCTK

**Số doanh nghiệp giải thể, ngừng đăng ký và tạm ngừng đăng ký kinh doanh** Trong 9 tháng đầu năm 2019, có 61,5 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường (tăng 0,7% so với cùng kỳ 2018), bao gồm: 21,2 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn (giảm 7,9%), 28,2 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể (tăng 6,3%), 12,1 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể (tăng 4,7%), trong đó có 10,9 nghìn doanh nghiệp có quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng (chiếm 90,2% tổng số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể), tăng 2,9%. Bên cạnh đó, trong quý III/2019, có 10,8 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

Các doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và tạm ngừng đăng ký kinh doanh có thời hạn tập trung cao nhất trong lĩnh vực bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy; công nghiệp chế biến, chế tạo và xây dựng – mặc dù mức số doanh nghiệp trong 02 lĩnh vực này đã giảm so với cùng kỳ năm trước.<sup>24</sup>

<sup>24</sup> Giảm lần lượt là 16,7% và 11,9%.

**Tình hình giải thể, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và tạm ngừng kinh doanh có thời hạn**



Nguồn: TCTK

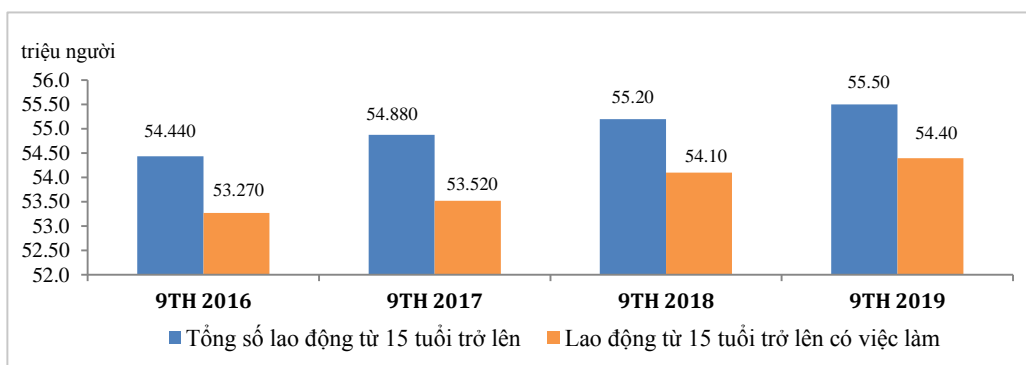
**5. Tình hình lao động việc làm**

*Tình hình lao động và việc làm có nhiều chuyển biến tích cực*

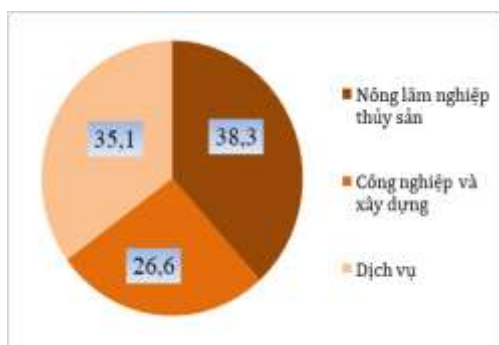
Trong 9 tháng đầu năm, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 55,5 triệu người, tăng 310,9 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Lực lượng lao động trong độ tuổi lao động là 48,9 triệu người, tăng 425,6 nghìn người.

Bên cạnh đó, số lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm trong quý III/2019 ước tính là 54,6 triệu người; tính chung 9 tháng là 54,4 triệu người, bao gồm 19,1 triệu người đang làm việc ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, chiếm 35% tổng số; khu vực công nghiệp và xây dựng 15,9 triệu người, chiếm 29,2%; khu vực dịch vụ 19,4 triệu người, chiếm 35,8%.

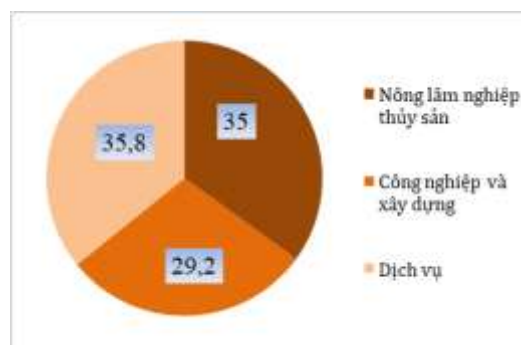
**Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên**



**Tỷ trọng lao động trên 15 tuổi có việc làm phân theo khu vực 9 tháng năm 2018 (%)**



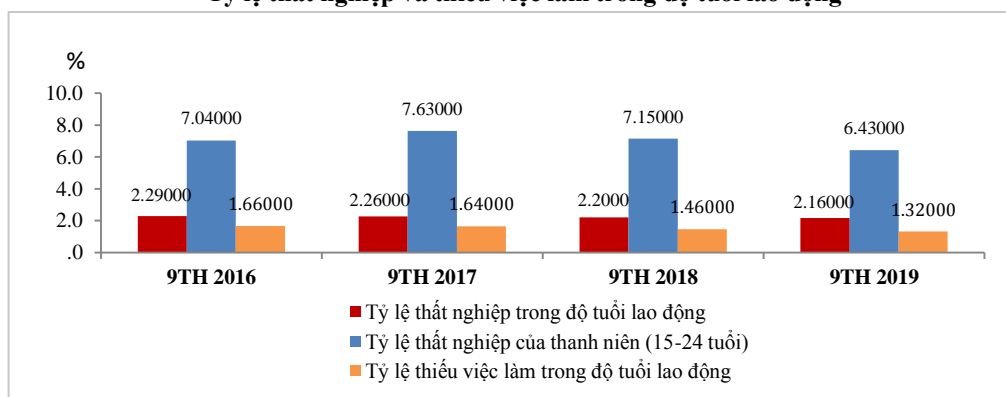
**Tỷ trọng lao động trên 15 tuổi có việc làm phân theo khu vực 9 tháng năm 2019 (%)**



Nguồn: TCTK

Ngoài ra, trong 9 tháng đầu năm, tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm đều giảm so với cùng kỳ trong vài năm trở lại đây. Theo đó, tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi là 2,16% (trong đó, khu vực thành thị là 3,11%; khu vực nông thôn là 1,66%); Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên ước tính là 6,43%, trong đó khu vực thành thị là 10,63% và khu vực nông thôn là 4,69%. Bên cạnh đó, tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi là 1,32% (trong đó khu vực thành thị là 0,73%; khu vực nông thôn là 1,63%).

**Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm trong độ tuổi lao động**



Nguồn: TCTK

### III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ, CHỨNG KHOÁN

#### Một số VBPL chính sách quan trọng điều tiết hoạt động trên thị trường tiền tệ, ngân hàng được ban hành trong tháng 9 năm 2019

**Quyết định số 1870/QĐ-NHNN ngày 12/9/2019 về lãi suất tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các ngân hàng**

Theo đó, giảm lãi suất tái cấp vốn từ 6,25%/năm xuống 6,0%/năm; lãi suất tái chiết khấu từ 4,25%/năm xuống 4,0%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các ngân hàng từ 7,25%/năm xuống 7,0%/năm.

Lãi suất chào mua giấy tờ có giá qua nghiệp vụ thị trường mở từ 4,75%/năm xuống 4,5%/năm

**Quyết định 27/2019/QĐ-TTg ngày 9/9/2019 về tín dụng đối với người lao động tại huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đến năm 2020**

Theo đó, người lao động tại huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được vay tối đa 100% chi phí đóng theo hợp đồng đã ký và không phải thực hiện bảo đảm tiền vay. Mức lãi suất áp dụng cho khoản vay này đối với người lao động thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số là 50% mức lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo. Đối với người lao động khác, mức lãi suất tính bằng mức lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo.

Việc trả tiền gốc do Ngân hàng Chính sách xã hội thỏa thuận với người lao động nhưng tối đa không quá 12 tháng/lần. Hồ sơ vay vốn bao gồm: Giấy đề nghị vay vốn có xác nhận của UBND cấp xã về đối tượng hưởng chính sách tín dụng; Bản sao công chứng hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; Bản sao công chứng hộ chiếu còn thời hạn của người lao động.

**Lãi suất điều hành của NHNN đã được cắt giảm**

Trong bối cảnh kinh tế giới diễn biến kém thuận lợi và xu hướng cắt giảm lãi suất của NHTW các nước trên thế giới, NHNN đã chính thức giảm lãi suất điều hành trong tháng 9, giảm 0,25%/năm với các lãi suất điều hành. Theo đó, lãi suất tái cấp vốn giảm từ 6,25%/năm xuống 6%/năm, lãi suất tái chiết khấu giảm từ

4,25%/năm xuống 4%/năm. Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước đối với các ngân hàng giảm từ 7,25%/năm xuống 7%/năm. Lãi suất chào mua giấy tờ có giá qua nghiệp vụ thị trường mở giảm từ 4,75%/năm xuống 4,5%/năm.

Quyết định về việc cắt giảm lãi suất lần này có thể giúp các ngân hàng thương mại giảm chi phí vay tái cấp vốn, tái chiết khấu từ Ngân hàng Nhà nước, qua đó định hướng các TCTD trong hệ thống điều chỉnh lãi suất cho vay, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nền kinh tế, đặc biệt vào giai đoạn cuối năm.

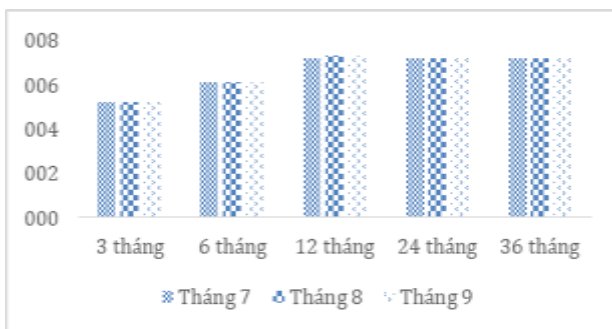
**Lãi suất huy động tiếp tục tăng ở các kỳ hạn dài**

Trong quý III, mặt bằng lãi suất huy động tiếp tục duy trì đà tăng trong nửa đầu năm, xu hướng tăng diễn ra liên tục trong cả 3 tháng, tăng mạnh và nhanh vào tháng 8. Tuy nhiên xu hướng này chỉ xuất hiện tập trung vào các kỳ hạn huy động dài. Trong đó, lãi suất huy động trong khối NHTM có vốn sở hữu Nhà nước diễn ra khá ổn định, cụ thể lãi suất huy động bình quân kỳ hạn 3 tháng và 6 tháng có diễn biến đi ngang qua các tháng, lãi suất huy động bình quân kỳ hạn 12 tháng tăng 0,07 điểm phần trăm, lãi suất huy động bình quân kỳ hạn từ 24 tháng trở lên tăng 0,01 điểm phần trăm.

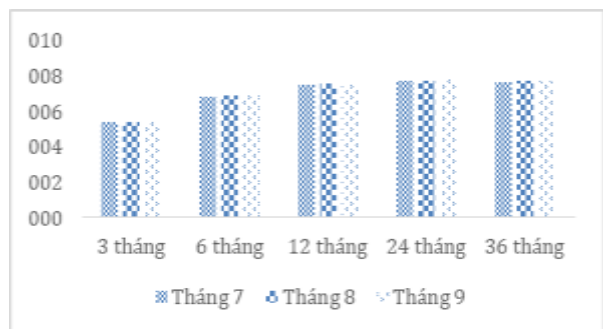
Bên cạnh đó, lãi suất huy động trong khối các NHTM CP chỉ xuất hiện xu hướng đi ngang đối với lãi suất huy động bình quân kỳ hạn 3 tháng, xu hướng tăng đã xuất hiện từ kỳ hạn huy động 6 tháng trở lên, tăng giao động phổ biến trong khoảng từ 0,06 – 0,1 điểm phần trăm, mức tăng mạnh nhất ở kỳ hạn huy động 12 tháng. Mặc dù vậy, diễn biến tăng diễn ra rải rác qua các tháng tại một số ngân hàng.

Xu hướng tăng của lãi suất huy động trong quý III chủ yếu được đánh giá là một xu hướng phù hợp trong chiến lược kinh doanh của các ngân hàng, đảm bảo phù hợp với mặt bằng lãi suất chung và lợi thế trong việc chuẩn bị các nguồn lực kinh doanh, đặc biệt là các nguồn lực trung và dài hạn vào giai đoạn cuối năm. Kết thúc tháng 9, mặt bằng lãi suất huy động bình quân trong khối NHTM có vốn sở hữu của nhà nước giao động trong khoảng 5,21 – 6,11%/năm đối với kỳ hạn ngắn và giao động trong khoảng 7,24 – 7,31%/năm đối với kỳ hạn dài. Trong khi đó, mặt bằng lãi suất huy động bình quân trong khối NHTM CP lần lượt là 5,43 – 6,93%/năm và 7,6 – 7,79%/năm.

**Diễn biến lãi suất huy động bình quân của Khối NHTM Nhà nước (%)**



**Diễn biến lãi suất huy động bình quân Khối NHTM Cổ phần (%)**



Nguồn: Tổng hợp

**Lãi suất liên ngân hàng đã**

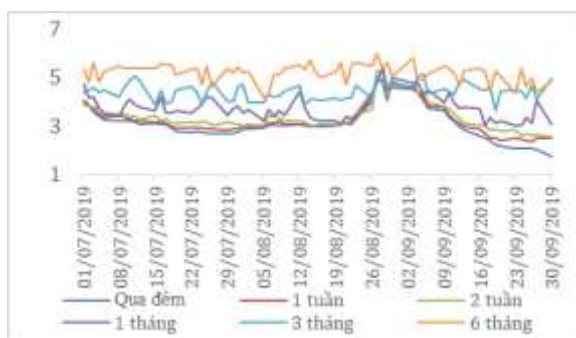
Trong quý III, lãi suất liên ngân hàng nhìn chung có diễn biến phù hợp với 01 tháng tăng và 02 tháng giảm ở hầu hết các kỳ hạn. Theo đó, lãi suất liên ngân

**giảm mạnh ở các kỳ hạn ngắn**

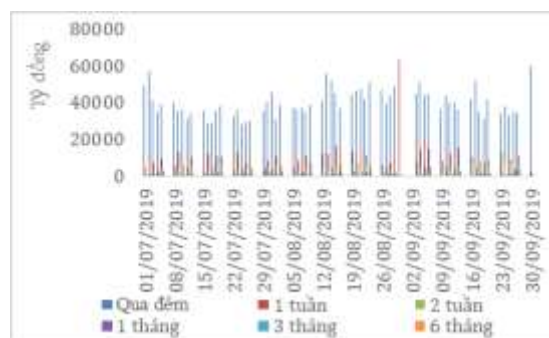
hàng đã giảm khá trong tháng 7 so với mức tăng cao hồi cuối tháng 6, sau đó đã bật tăng mạnh trở lại trong tháng 8 và giảm mạnh trong tháng 9. Xu hướng biến động của lãi suất diễn ra đáng chú ý đối với các kỳ hạn huy động ngắn (qua đêm – 2 tuần), lãi suất huy động của các kỳ hạn này đã xuất hiện nhiều ngày giao dịch biến động tăng lớn hơn hoặc xấp xỉ 1% dẫn đến lãi suất gần như không có sự phân kỳ theo các kỳ hạn vào cuối tháng 8. Mặc dù vậy, xu hướng tăng của lãi suất huy động ngắn hạn đã đảo chiều ngay trong tháng 9, giảm gần như liên tục qua các ngày giao dịch của tháng, đưa mức lãi suất vào ngày giao dịch cuối cùng của quý về mức thấp, giảm khoảng ½ so với thời điểm cuối tháng 6, giảm mạnh nhất là lãi suất qua đêm, khoảng 2,4 điểm phần trăm. Bên cạnh đó, lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng và 6 tháng vào cuối quý đã tăng lần lượt là 0,65 và 0,12 điểm phần trăm so với cuối tháng 6.

Diễn biến của lãi suất liên ngân hàng trong quý III đã bám khá sát định hướng điều hành của NHNN và tín hiệu thị trường, với sự hỗ trợ nhịp nhàng của các hoạt động bơm, hút tiền của Cơ quan điều hành, lãi suất đã có những điều chỉnh hợp lý sau những chuỗi giao dịch biến động, đảm bảo sự ổn định của thị trường. Kết thúc tháng 9, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm chốt ở mức 1,74%/năm; 1 tuần là 2,49%/năm; 2 tuần là 2,56%/năm; kỳ hạn từ 1 tháng trở lên lần lượt là 3,08%/năm; 4,96%/năm; 4,85%/năm và 5,72%/năm.

**Diễn biến lãi suất liên ngân hàng**



**Doanh số giao dịch liên ngân hàng**



Nguồn: NHNN

**Tỷ giá diễn biến hợp lý trước những biến động của thế giới**

Trong quý III, diễn biến của tỷ giá trong nước tiếp tục diễn biến ổn định hợp lý, trong đó tỷ giá trung tâm được điều chỉnh tăng trở lại, tăng liên tục trong 3 tháng, tỷ giá giao dịch của các NHTM và trên thị trường tự do đã giảm so với cuối quý trước. Theo đó, tỷ giá trung tâm đã tăng 0,41% - tương đương với 95 đồng, ghi nhận mức tăng mạnh nhất vào tháng 8 là 0,26% trước những diễn biến bất lợi của thị trường thế giới. Tỷ giá trung tâm được điều chỉnh phổ biến trong dải biên độ từ 0,01% - 0,03%, tuy nhiên vào những thời điểm chịu áp lực từ thị trường thế giới, tỷ giá trung tâm đã được điều chỉnh ở mức lớn hơn từ 0,05% - 0,07%. Trong khi đó, để hỗ trợ cho sự ổn định của tỷ giá, tỷ giá tham khảo được niêm yết trên Sở giao dịch của NHNN đã không có thay đổi tại chiều mua vào nhưng tỷ giá bán lại có giao dịch tăng sát với tỷ giá trung tâm. Tính chung 9 tháng, tỷ giá trung tâm đã tăng 1,47%, tương đương với 336 đồng so với cuối năm ngoái – diễn biến trong khoảng mục tiêu đã đặt ra từ đầu năm, niêm yết ở mức 23.161 USD/VND.

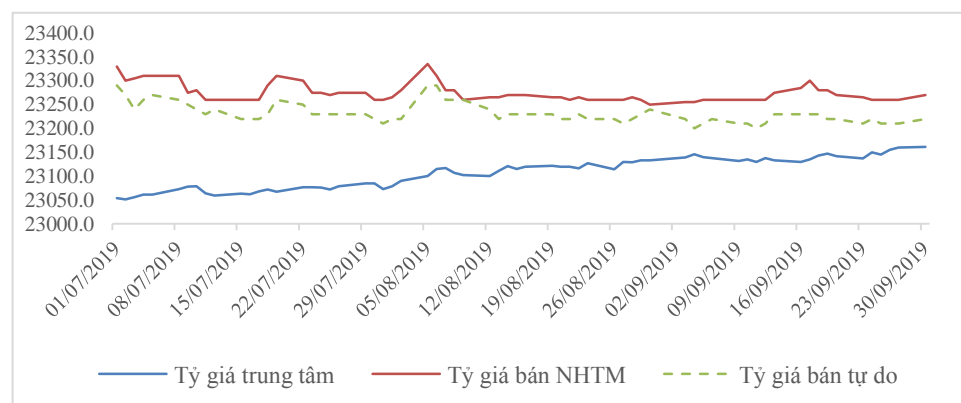
Trong khi đó, tỷ giá giao dịch của NHTM lại có xu hướng giảm là chủ yếu với tổng mức giảm giao động từ 0,34 – 0,39%. Cụ thể là tỷ giá giao dịch tại Vietcombank và Eximbank đã có cùng mức giảm cả ở chiều mua và chiều bán trong tháng 7 và tháng 8 lần lượt là 0,39% và 0,04%, ghi nhận xu hướng giảm

mạnh diễn ra trong tháng 7. Tuy nhiên, tỷ giá giao dịch niêm yết của 02 ngân hàng này đã tăng vào tháng 9 với mức tăng ở cả hai chiều là 0,09% đối với Vietcombank và 0,04% đối với Eximbank. Trong quý III, diễn biến của tỷ giá giao dịch chính thức cũng đã ghi nhận những ngày giao dịch đi ngang trong mỗi tháng, diễn ra dài nhất trong 07 ngày giao dịch. Kết thúc quý III, tỷ giá giao dịch của Vietcombank chốt ở mức 23.150 – 23.270 USD/VND; tỷ giá giao dịch của Eximbank chốt ở mức 23.160 – 23.250 USD/VND.

Tương tự như tỷ giá chính thức, tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do cũng đã giảm lần lượt là 0,47% và 0,51% ở chiều mua vào và bán ra. Tuy nhiên, diễn biến của tỷ giá trên thị trường tự do đã có xu hướng diễn biến khác với thị trường chính thức. Cụ thể tỷ giá đã giảm mạnh trong tháng 7, tăng trong tháng 8 và cùng giảm 0,09% trong tháng 9. Tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do biến động phổ biến trong khoảng từ 0,04 – 0,09%, đồng thời cũng có ghi nhận những ngày biến động mạnh theo tín hiệu của thị trường quốc tế với mức tăng 0,3% trong tháng 8. Tuy nhiên, mức tăng mạnh chỉ xuất hiện thoáng qua và tỷ giá đã quay trở lại về ngưỡng giao dịch phổ biến. Tính đến ngày giao dịch cuối quý III, tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do là 23.160 – 23.220 USD/VND, chênh lệch tỷ giá giữa 02 thị trường trong quý III phổ biến từ 40 – 50 đồng.

Diễn biến hợp lý của tỷ giá trung tâm và tỷ giá giao dịch trong nền kinh tế đã đảm bảo các giao dịch của thị trường diễn ra thông suốt, ổn định được niềm tin vào giá trị VND trong điều kiện thị trường quốc tế có những diễn biến bất lợi cho công tác điều hành CSTT tại Việt Nam.

**Diễn biến tỷ giá USD/VND**



Nguồn: NHNN

**Giá vàng trong nước có quý tám sát xu hướng của giá vàng quốc tế, ghi nhận mức tăng mạnh nhất theo quý trong nhiều năm**

Trong quý III, giá vàng SJC trong nước đã tăng 7,3% và 7,39% lần lượt ở chiều mua vào và bán ra. Theo đó, vàng đã có 2 tháng tăng giá với mức tăng cao hơn mức tăng của giá vàng thế giới trong tháng 7 và tăng bám sát với giá vàng quốc tế trong tháng 8 trước khi giảm khoảng một nửa so với mức giảm của giá vàng thế giới trong tháng 9<sup>25</sup>.

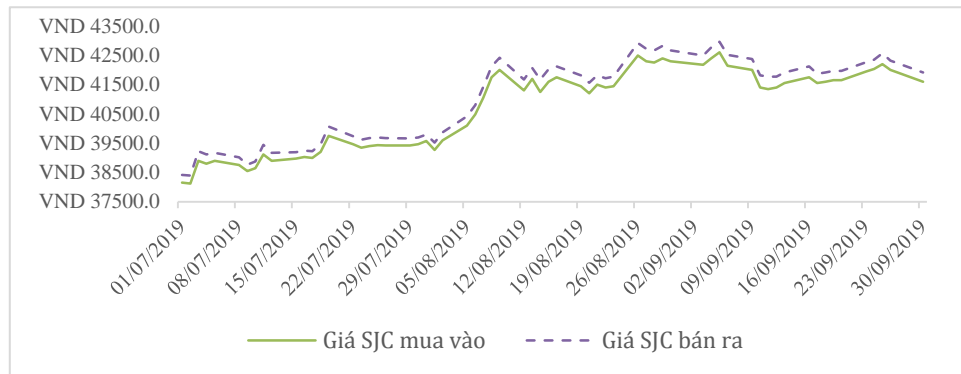
Diễn biến của giá vàng trong nước vào quý III đã ghi nhận các mốc giá cao mới, cụ thể là trên 40 triệu đồng/lượng vào tháng 7 và vượt trên 42 triệu đồng/lượng trong tháng 8. Đồng thời, tháng 8 là tháng mà giá vàng trong nước lần đầu tiên sau rất nhiều năm đã có diễn biến sát với giá vàng quốc tế cả về thời gian và mức độ biến động. Tuy nhiên mức giá cao trên 42 triệu đồng/lượng

<sup>25</sup> Mức độ biến động của giá vàng bán ra trong nước trong tháng 7 là 2,02% (thế giới: 1,57%); trong tháng 8 là 7,11% (thế giới: 7,49%); trong tháng 9 là 1,74% (thế giới: 3,04%)

được duy trì từ tuần giao dịch cuối của tháng 8 đến tuần giao dịch đầu tháng 9 và đã nhanh chóng giảm xuống ngưỡng trên 41 triệu đồng/lượng theo xu hướng giảm của giá vàng quốc tế. Mặc dù mức giá cao này đã quay trở lại vào tuần giao dịch cuối tháng 9 xong đã không được bảo vệ trước xu hướng giảm của ngày giao dịch cuối cùng, giao dịch ở mức 41,6 – 41,92 triệu đồng/lượng.

Biến động mạnh của giá vàng khiến các doanh nghiệp kinh doanh vàng khá thận trọng trong việc xác lập giá mua vào và giá bán ra, phổ biến trong mức trên 300.000 – 400.000/lượng. Chênh lệch giữa giá vàng trong nước và quốc tế ở mức 502 nghìn đồng/lượng.

**Diễn biến giá vàng trong nước**

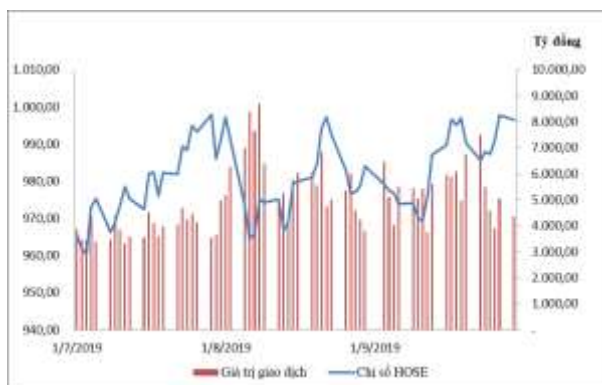


Nguồn: [sjc.com.vn](http://sjc.com.vn)

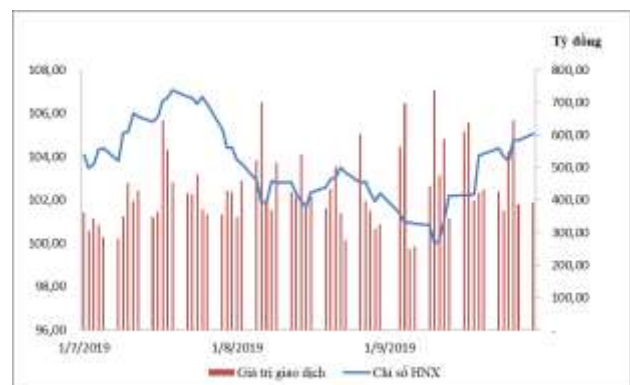
**TTCK Việt Nam tăng điểm trở lại trong quý III**

Sau khi trải qua những diễn biến không mấy tích cực trong Quý II, thị trường chứng khoán Việt Nam đã lấy lại đà tăng điểm trong Quý III/2019. Chỉ số VN-Index trên sàn HOSE đã ghi nhận 2 tháng tăng điểm vào tháng 7 và tháng 9, điều chỉnh giảm nhẹ trong tháng 8. Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng ngày 30/9, chỉ số VN – Index đóng cửa ở mức 996,56 điểm – tăng 4,89% so với phiên cuối cùng của Quý II. Sàn HNX cũng diễn biến tương tự với 2 tháng tăng và 1 tháng giảm, kết thúc tháng 9 đạt 105,05 điểm – tăng 1,53% so với cuối quý II. Sàn UPCOM diễn biến kém tích cực hơn 2 sàn giao dịch chính thức khi chỉ tăng điểm vào tháng đầu quý và điều chỉnh giảm trong 2 tháng còn lại. Mặc dù vậy, kết thúc quý II, chỉ số UPCOM đóng cửa ở mức 56,78 điểm, tăng 2,2% so với cuối quý II.

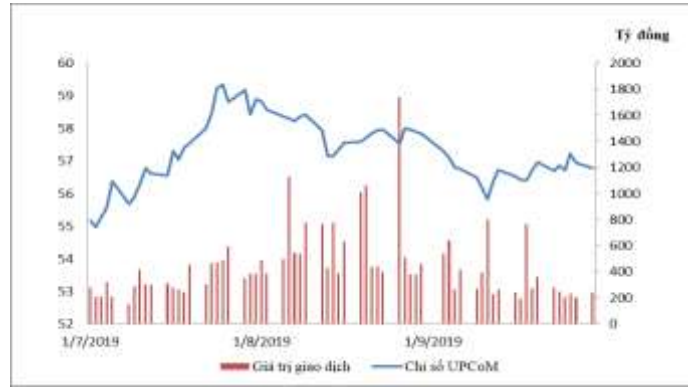
**Diễn biến chỉ số HOSE trong quý III**



**Diễn biến chỉ số HNX trong quý III**



### Diễn biến chỉ số UPCOM trong quý III

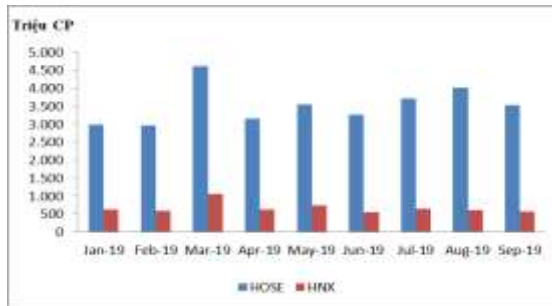


Nguồn: UBCK Nhà nước

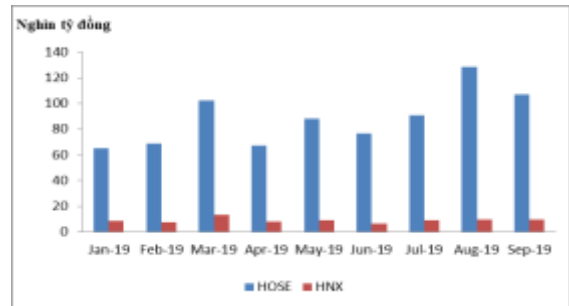
Trên sàn giao dịch HOSE, thanh khoản thị trường trong quý III có diễn biến tích cực hơn so với quý trước, sự cải thiện được ghi nhận đối với cả khối lượng giao dịch (tăng 12,86% so với quý II) cũng như giá trị giao dịch (tăng 40,7% so với quý II). Trên sàn HNX, thanh khoản thị trường chỉ ghi nhận sự gia tăng đối với giá trị giao dịch với mức tăng 19,85% so với quý II, trong khi khối lượng giao dịch giảm nhẹ gần 5% so với quý trước. Tính chung trên cả hai sàn giao dịch chính thức, thanh khoản thị trường đã cải thiện so với quý trước với tổng khối lượng giao dịch đạt mức tăng khoảng 10% và tổng giá trị giao dịch tăng 38,7%.

Thanh khoản thị trường trong quý III vẫn tập trung ở các mã cổ phiếu có giá trị vốn hóa lớn. Trong đó đà khởi sắc chủ yếu đến từ cổ phiếu ngành Ngân hàng (VCB, ACB), Bất động sản (VIC, VHM, VCS), Dầu khí và Xăng dầu (GAS) nhờ kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm khả quan.

#### Khối lượng giao dịch qua các tháng trên 2 sàn giao dịch chính thức năm 2019



#### Giá trị giao dịch qua các tháng trên 2 sàn giao dịch chính thức năm 2019

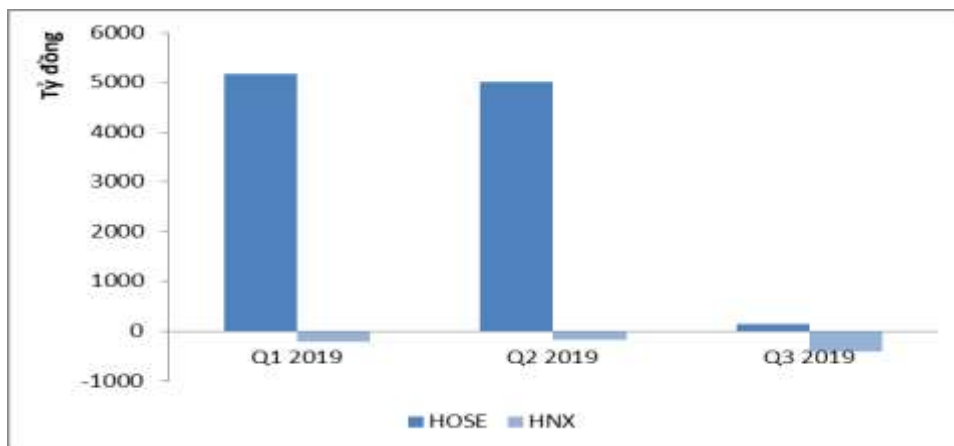


Nguồn: UBCKNN

Hoạt động của khối ngoại đã có diễn biến khác trong quý III. Trên sàn HOSE khối ngoại chỉ tiếp tục mua ròng tháng 7, bước sang 2 tháng tiếp theo khối ngoại đã chuyển sang trạng thái bán ròng, chấm dứt 11 tháng mua ròng liên tiếp của khối ngoại trên sàn HOSE. Kết thúc quý III, khối ngoại tiếp tục mua ròng trên sàn HOSE với tổng giá trị là 150,5 tỷ đồng, thấp hơn rất nhiều con số mua ròng trên 5000 tỷ đồng của quý II.

Trên sàn HNX, khối ngoại đã duy trì trạng thái bán ròng trong cả 3 tháng của quý III, trong đó mức bán ròng mạnh tập trung vào 2 tháng đầu quý. Kết thúc quý III, tổng lượng bán ròng trên HNX là 404,97 tỷ đồng.

**Diễn biến trạng thái mua bán ròng của khối ngoại qua các quý năm 2019  
trên 2 sàn HOSE và HNX**



*Nguồn: UBCK Nhà nước*

Trong bối cảnh chứng khoán toàn cầu gặp nhiều biến động do tác động của các yếu tố kinh tế chính trị, Việt Nam là một trong những số ít các thị trường vẫn duy trì được đà tăng điểm trong khu vực.



*Nguồn: Bloomberg*

**TRIỂN VỌNG KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2019 VÀ NHỮNG THÁCH THỨC ĐẶT RA**

*Các tổ chức quốc tế đưa ra các dự báo lạc quan hơn cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2019*

Kinh tế Việt Nam kết thúc 3 quý với nhiều con số ấn tượng, GDP đạt mức tăng trưởng bình quân 9 tháng cao nhất trong 9 năm (6,89%), xuất siêu 5,9 tỷ USD, sức cầu nội địa cao, vốn FDI thực hiện được 14,2 tỷ USD, hơn 100 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, lạm phát được kiểm soát thấp nhất trong vòng 3 năm qua (2,5%), thị trường lao động có nhiều chuyển biến tích cực,... đã củng cố vững chắc niềm tin vào các mục tiêu kinh tế theo đuổi của đất nước trong năm 2019.

Bên cạnh đó, kết quả khảo sát của tổng cục thống kê về niềm tin kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế cũng cho thấy trong quý IV/2019 có 52,1% số doanh nghiệp đánh giá xu hướng tốt lên; 12,1% số doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn và 35,8% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh sẽ ổn định. Trong đó, các doanh nghiệp FDI tiếp tục có niềm tin lạc quan về tình hình sản xuất kinh doanh sẽ tốt hơn và ổn định khi đạt tỷ lệ 90,1% trong khi đó tỷ lệ này trong khu vực DNNN và ngoài Nhà nước lần

lượt là 82,8% và 87,5%

Trước diễn biến tích cực của kinh tế Việt Nam, nhiều chuyên gia quốc tế đã nâng dự báo của kinh tế Việt Nam trong 2019 so với trước đây, đồng thời có những đánh giá lạc quan về tiềm năng của nền kinh tế trong thời gian tới, đặc biệt khi Luật đầu tư công sửa đổi có hiệu lực vào đầu năm 2020 và các giải pháp đẩy mạnh kế hoạch giải ngân đầu tư công được thực thi có hiệu quả, Việt Nam sẽ được hưởng lợi từ hiệu ứng chuyển hướng thương mại tích cực cũng như sức cầu mạnh trong nước và dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vững chắc,..... Theo đó Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) dự báo, Việt Nam sẽ duy trì tăng trưởng mạnh trong năm 2019 và 2020 ở mức tương ứng là 6,8% và 6,7%. Chuyên gia của Ngân hàng Standard Chartered dự báo Việt Nam sẽ là nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất ASEAN trong năm nay với tốc độ tăng trưởng dự kiến đạt 6,9% và chuyên gia từ ngân hàng HSBC cũng đồng quan điểm với con số dự báo tăng trưởng này trong năm 2019.

Mặc dù đang có những diễn biến thuận lợi nhưng từ nay đến hết năm, kinh tế Việt Nam không thể lơ là với những thách thức đáng chú ý như sau:

- Xu hướng giảm tốc của kinh tế toàn cầu khi hầu hết các nền kinh tế đều có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại. Thực tế này sẽ ảnh hưởng trực tiếp hoạt động thương mại, gây sức ép đến tăng trưởng. Bên cạnh đó việc kinh tế thế giới vẫn tiếp tục phải đối diện với những bất ổn khi căng thẳng thương mại giữa các nước lớn tiếp tục diễn biến phức tạp hay nguy cơ phải đối mặt với một Brexit không thỏa thuận có thể tiếp tục ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động thương mại và đầu tư toàn cầu, cụ thể niềm tin kinh doanh sẽ suy yếu, hoạt động thương mại, đầu tư toàn cầu sẽ giảm tốc, dẫn đến sự xáo trộn các chuỗi cung ứng toàn cầu,..... Những yếu tố này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất và xuất khẩu của các doanh nghiệp trong nước. Bên cạnh đó, trong bối cảnh chủ nghĩa bảo hộ thương mại toàn cầu gia tăng khi các bất ổn vẫn tiếp tục khó lường thì kinh tế Việt Nam cũng có khả năng cao phải đối mặt với việc gia tăng thuế quan từ các đối tác thương mại lớn. Trong đó, trước tiên phải kể đến nguy cơ tăng thuế của Mỹ đối với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam, đặc biệt đối với các nhóm hàng nhôm, thép, dệt may, thủy hải sản,.. Theo ước tính của ICAEW<sup>26</sup>, nếu chính quyền Trump tăng thuế 10% đối với 18,4 tỷ USD hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ, tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ chậm lại khoảng 5,9% mỗi năm trong năm 2020 - 2021.

- Xu hướng nới lỏng chính sách tiền tệ để kích thích tăng trưởng kinh tế tại các khu vực và nền kinh tế lớn trong bối cảnh kinh tế thế giới phải đối mặt với nhiều bất ổn sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến diễn biến của thị trường tài chính, tiền tệ, tiếp tục dẫn đến sự dịch chuyển của các dòng vốn đầu tư sẽ tạo nên những áp lực nhất định đối với công tác điều hành chính sách tiền tệ của NHNN, đặc biệt là đối với công tác quản lý ngoại hối và điều hành lãi suất theo hướng ổn định.

- Sản xuất nông nghiệp nhiều khả năng tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn từ bên trong cũng như bên ngoài nền kinh tế. Thời tiết diễn biến phức tạp và dịch tả lợn châu Phi có thể bùng phát sẽ ảnh hưởng nặng nề đến ngành trồng trọt và chăn nuôi. Bên cạnh đó xuất khẩu nông sản và thủy sản cũng sẽ tiếp tục gặp khó khăn cả về thị trường và giá cả.

- Sản xuất công nghiệp là nhóm ngành đóng góp chủ lực cho tăng trưởng kinh

<sup>26</sup> Viện Kế toán công chứng Anh và xứ Wales

tế, tuy nhiên từ nay đến cuối năm khả năng tăng mạnh của nhóm ngành này là khó khả quan do một số doanh nghiệp đầu tàu trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo như Samsung, Formosa,.... đã đi vào hoạt động ổn định nên khó xuất hiện đột biến về sản lượng như những năm trước, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế giảm tốc hiện nay.

- Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công chậm – được xem là một điểm nghẽn trong nền kinh tế. Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năm 2019, Quốc hội giao 429.300 tỷ đồng vốn đầu tư công. Số vốn giao kế hoạch chi tiết đã đạt hơn 367.000 tỷ đồng, bằng 85,5% dự toán Quốc hội giao. Tuy nhiên, ước tính đến hết tháng 9, số vốn giải ngân mới đạt hơn 192.130 tỷ đồng, bằng 45% kế hoạch Quốc hội giao, trong đó thấp nhất là giải ngân vốn trái phiếu Chính phủ, ODA. Thực tế này nếu không có giải pháp khắc phục sẽ đẩy lùi các dòng vốn khác trong nền kinh tế, ảnh hưởng bất lợi đến sự phát triển chung của đất nước.

- Lạm phát mặc dù vẫn còn nhiều dư địa song cũng không thể chủ quan khi vẫn còn những yếu tố tác động tiềm ẩn cả trong và ngoài nước, đó là diễn biến của giá cả hàng hóa thế giới ngày càng có ảnh hưởng mạnh đến hàng hóa trong nước hay một số mặt hàng thuộc diện quản lý của nhà nước vẫn nằm trong lộ trình điều chỉnh giá.